

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016)



**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Quyết định đăng ký niêm yết số : ...../QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ...../..../2017)

**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN**

Trụ sở chính : Khu hành chính số 8 - Phường Đồng Đa - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc

Điện thoại : (0211)2479553 Fax : (0211)2479553

Website : <http://melinsteel.vn/>

**2. TỔ CHỨC TƯ VẤN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA (IRS)**

Trụ sở chính : Tầng 12, tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : (0243) 9446666 Fax : (0243) 9446969

Website : <http://www.irs.com.vn/>

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Họ tên : Phạm Quang Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại : (024) 35840545 Fax: (024) 35840544

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016)

Địa chỉ: Khu hành chính số 8 - Phường Đồng Đa - Thành phố Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.

Điện thoại: (84.02112479553), Fax: (84.02112479553)

Website: <http://melinsteel.vn/>



**melinsteel**

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty cổ phần Thép Mê Lin
Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu	:	MEL
Mệnh giá	:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng khối lượng niêm yết	:	15.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	:	150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ đồng)

#### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM

Địa chỉ	:	Tầng 10, tòa nhà center building, Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Hà Nội
Điện thoại	:	024 6664488
Website	:	<a href="http://www.pkf.com.vn/">http://www.pkf.com.vn/</a>

#### TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ trụ sở chính	:	Tầng 12, tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại	:	0243 9446666 Fax : 0243 9446969
Website	:	<a href="http://www.irs.com.vn/">http://www.irs.com.vn/</a>

## MỤC LỤC

<b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CHỨNG KHOÁN.....</b>	<b>4</b>
1. Rủi ro về kinh tế .....	4
2. Rủi ro về luật pháp .....	6
3. Rủi ro đặc thù của ngành.....	7
4. Rủi ro khác .....	7
<b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>7</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	8
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>8</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....</b>	<b>10</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
2. Cơ cấu tổ chức công ty.....	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty.....	13
4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ nắm giữ; cơ cấu cổ đông tính đến .....	16
5. Danh sách công ty mẹ, các công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết.....	18
6. Hoạt động kinh doanh .....	18
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.....	38
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	40
9. Chính sách đối với người lao động .....	43
10. Chính sách cổ tức .....	44
11. Các chỉ tiêu tài chính.....	44
12. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban giám đốc và kế toán trưởng .....	49
13. Tài sản .....	60
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	61
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	62
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	62
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	62
<b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>	<b>62</b>
1. Loại Chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	62
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.....	62
3. Tổng số Chứng khoán niêm yết .....	62
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành .....	63
5. Phương pháp tính giá .....	64
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài .....	65
7. Các loại thuế có liên quan .....	65
<b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT .....</b>	<b>66</b>
<b>VII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>67</b>

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG TỚI GIÁ CHỨNG KHOÁN**

Các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp tới kết quả hoạt động kinh doanh của công ty cũng như giá cả chứng khoán niêm yết của công ty.

### **1. Rủi ro về kinh tế**

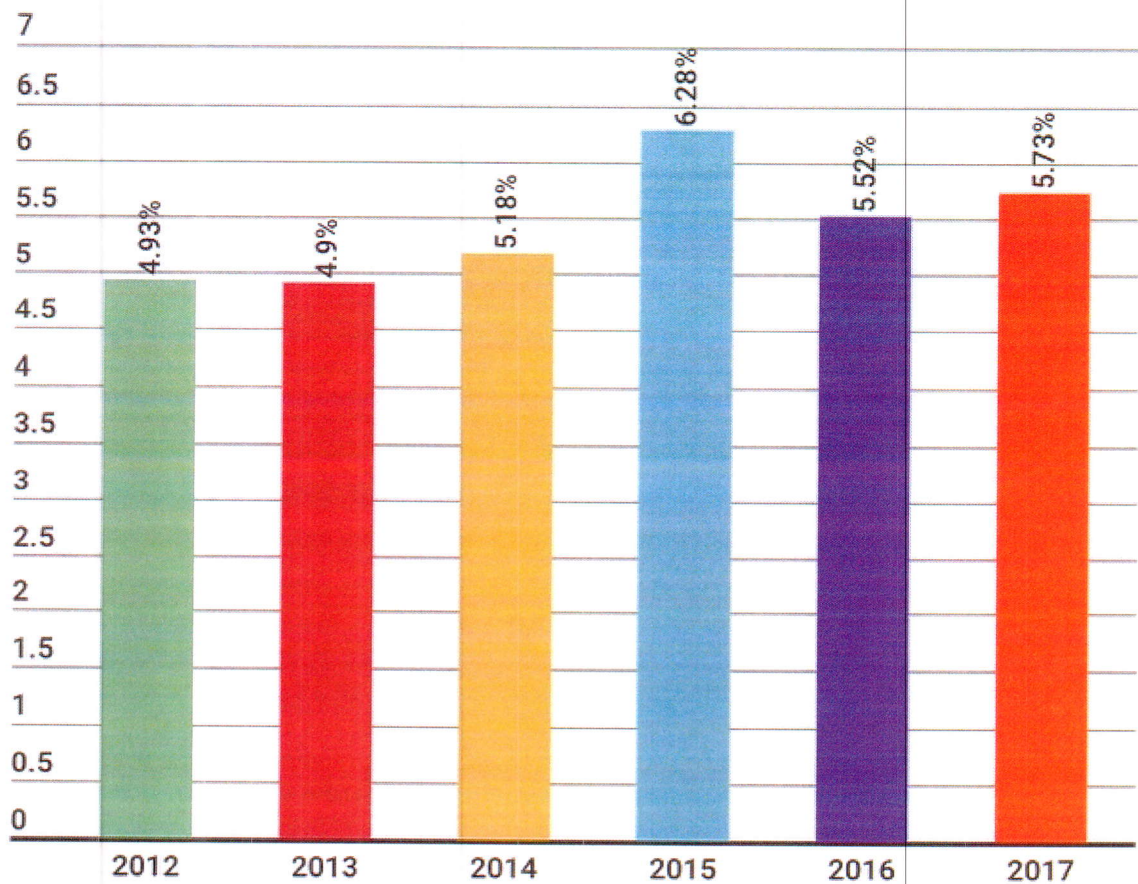
Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần thép Mêlin nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ổn định và tăng trưởng thì việc đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng, địa ốc, nhà ở, xây dựng dân dụng, sản xuất chế biến sẽ gia tăng. Tuy nhiên nếu nền kinh tế suy thoái các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao là cho các nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh là rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế :**

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), mặc dù tình hình kinh tế xã hội trong năm 2016 còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Việt Nam đạt mức tăng trưởng kinh tế ở mức 6,21% giảm so với năm 2015. Tuy nhiên xu hướng tăng trưởng tích cực quý sau cao hơn quý trước, cụ thể quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,4%, quý IV tăng 6,68%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 không cao so với kỳ vọng và mục tiêu 6,7% như Quốc hội đề ra nhưng đang có xu hướng đi lên nhờ các tín hiệu tích cực đến từ ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ và các hoạt động bán lẻ. Ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng 7,57% trong đó ngành công nghiệp chế biến đột phá với mức tăng trưởng 11,9% , ngành xây dựng tăng trưởng khá ở mức 10%, dịch vụ tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây ở mức 6,98% và hoạt động bán lẻ có mức tăng trưởng ấn tượng đạt 8,28%.

Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2017 đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 5,73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5,15%, quý II đã khởi sắc hơn quý I với tốc độ 6,17%. Theo kế hoạch đã được Quốc hội thông qua tăng trưởng GDP Việt Nam năm nay đạt mục tiêu 6,7% thông qua việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian tới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các tổ chức niêm yết chứng khoán.

#### **Sơ đồ số 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2012 – 6/2017**



(Nguồn: <http://cafef.vn/>)

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại mặt hàng thép nên công ty chịu ảnh hưởng bởi xu thế phát triển của các ngành sản xuất công nghiệp chế tạo, xây dựng và bất động sản. Ngành xây dựng Việt Nam đã phục hồi rõ nét hai năm trở lại đây khi nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tìm đến Việt Nam mạnh hơn nhờ tác động từ các Hiệp định thương mại tự do và thị trường bất động sản hồi phục do niềm tin tích cực vào thị trường. Với triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam trong năm 2017, tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành xây dựng hạ tầng sẽ đạt 6% giai đoạn 2016 – 2020 sẽ có tác động tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thép Mêlin.

### 1.2 Lãi suất, tỷ giá :

Năm 2016, lãi suất có xu hướng tăng nhẹ nhưng về cơ bản vẫn duy trì ở mức thấp, có tác động tích cực và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh. Cụ thể lãi suất huy động bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,8% - 1% đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6,5% - 8%/ năm. Lãi suất cho vay phổ biến ở mức 6,8% - 9% đối với vay ngắn hạn, 9,3%-11% đối với vay trung và dài hạn. Đối với nhóm khách hàng tốt, tình hình tài chính minh bạch và lành mạnh lãi suất cho vay ngắn hạn chỉ từ 4% - 5% / năm. Lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp theo như chủ trương của Ngân hàng nhà nước (NHNN) giữ ổn định mặt bằng lãi suất để hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh. NHNN ngoài ra cũng yêu cầu các ngân hàng thương mại tiết giảm chi phí hoạt

động qua đó duy trì lãi suất cho vay ở mức ổn định và chú trọng đảm bảo nhu cầu vốn cho nền kinh tế.

Do trong cơ cấu nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh luôn có yếu tố vay ngân hàng nên bất kỳ sự thay đổi của lãi suất cho vay đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty luôn định hướng cân đối cơ cấu nợ vay và vốn chủ sở hữu phù hợp. Với 15 năm kinh nghiệm và được xếp hạng tín dụng bậc cao, Công ty CP Thép Mêlin luôn đạt được mức lãi suất hợp lý.

Bên cạnh đó Công ty là doanh nghiệp chuyên xuất nhập khẩu nguyên liệu, thành phẩm thép và nhập khẩu các máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh từ nước ngoài do đó sự thay đổi về tỷ giá cũng gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty sẽ chịu rủi ro về tỷ giá khi các khoản thanh toán với các nhà cung cấp được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Công ty sẽ hạn chế rủi ro tỷ giá bằng cách luôn tính toán kỹ lưỡng thời gian thực hiện, thanh toán các hợp đồng nhập khẩu, các hợp đồng xuất khẩu để có biện pháp cân đối nguồn ngoại tệ phù hợp nhu cầu và biến động thị trường.

### **1.3 Rủi ro về lạm phát**

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có thể tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Lạm phát tăng cao sẽ khiến giá nguyên vật liệu, hàng hóa đầu vào và đầu ra biến động không ngừng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Ngược lại nếu giảm phát kéo dài cộng thêm thâm hụt ngân sách sẽ làm tăng trưởng kinh tế phục hồi chậm, thậm chí dẫn đến trì trệ, tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn rất dễ dẫn tới suy thoái kinh tế. Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên bắt đầu từ năm 2014, để ổn định kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4%. Kết thúc năm 2016, chỉ số lạm phát đạt 4,74% đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát mà Chính phủ đề ra.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Thép Mê Lin là một doanh nghiệp đại chúng mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

### **3. Rủi ro đặc thù của ngành**

Ngoài những rủi ro trên, hoạt động của Công ty CP thép Mêlin chịu ảnh hưởng của các rủi ro đặc thù trong ngành thép như rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu, rủi ro về cạnh tranh.

#### **3.1 Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu**

Ngành thép Việt Nam có mức độ cạnh tranh về giá lớn, dẫn tới chi phí sản xuất trở thành yếu tố lựa chọn doanh nghiệp tiềm năng. Giá nguyên liệu đầu vào sản xuất thép cũng như giá bán thép đều biến động rất nhạy với thị trường thế giới. Thực tế trong năm 2016, giá các mặt hàng nguyên liệu đã có những biến động mạnh với diễn biến phức tạp. Để hạn chế rủi ro này, Công ty liên tục so sánh, tổng hợp, lựa chọn thời điểm nhập mua, bán ra, dự trữ hàng tồn kho, tiết giảm chi phí để đạt giá thành ở mức thấp.

#### **3.2 Rủi ro về áp lực cạnh tranh**

Đặc thù của ngành thép là lĩnh vực kinh doanh đã có truyền thống rất lâu trên thị trường với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp có năng lực sản xuất kinh doanh có tầm cỡ. Các doanh nghiệp này thường triển khai các dự án sản xuất thép quy mô lớn. Bên cạnh quy mô sản xuất trong ngành phát triển nhanh hơn nhu cầu của thị trường còn có các doanh nghiệp nhập khẩu thép từ Trung Quốc với giá thành rất rẻ tạo ra sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp sẽ là yếu tố quan trọng, có tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh thép của Công ty.

### **4. Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán :**

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết, các cổ đông của Công ty và Công ty sẽ chịu rủi ro về biến động giá cổ phiếu. Ngoài các yếu tố thuộc về nội tại doanh nghiệp như tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, nhiều yếu tố bên ngoài khác như yếu tố kinh tế vĩ mô, thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, các sự kiện khác không lường trước được có thể ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến giá cổ phiếu. Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh có thể ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín và việc huy động vốn của Công ty, đồng thời gây thiệt hại cho cổ đông của Công ty.

### **5. Rủi ro khác**

Các rủi ro khác nằm ngoài khả năng dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức niêm yết**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP MÊ LIN**

Bà	: Lê Thị Hương Giang	Chức vụ	: Chủ tịch HĐQT
Ông	: Phạm Quang	Chức vụ	: Giám đốc
Bà	: Ma Thị Bích Thủy	Chức vụ	: Trưởng Ban kiểm soát
Bà	: Đỗ Thị Kiệm	Chức vụ	: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

## 2. Tổ chức tư vấn

### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Bà : Trần Thị Thu Hương Chức vụ : Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn số 118/2017/IRS/TVĐN ký ngày 23/05/2017 với Công ty cổ phần Thép Mê Lin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thép Mê Lin cung cấp tại thời điểm tham gia lập Bản cáo bạch.

## III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

### Khái niệm

1. **Công ty** là Công ty cổ phần Thép Mê Lin được thành lập vào ngày 13/01/2003 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016.
2. **Bản cáo bạch** là Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
3. **Cổ phần** là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
4. **Cổ phiếu** là Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần của Công ty.
5. **Cổ đông** là Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
6. **Cổ tức** là Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.
7. **Đại hội đồng cổ đông** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.
8. **Hội đồng quản trị** là Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.
9. **Ban kiểm soát** là Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.
10. **Ban Giám đốc** là Ban Giám đốc của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.
11. **Vốn điều lệ** là Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều lệ.
12. **Tổ chức niêm yết** là Công ty cổ phần Thép Mê Lin
13. **Tổ chức kiểm toán** là Công ty TNHH PKF Việt Nam

### Từ viết tắt

DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
BKS	:	Ban Kiểm soát
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BCTC	:	Báo cáo tài chính
HĐTV	:	Hội đồng thành viên



CTCP	:	Công ty cổ phần
Sở KH&ĐT	:	Sở Kế hoạch và Đầu tư
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
DTT	:	Doanh thu thuần
KCN	:	Khu công nghiệp
BHLĐ	:	Bảo hiểm lao động
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHTN	:	Bảo hiểm thất nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
CA	:	Công an
NHNN	:	Ngân hàng nhà nước
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh

#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

###### 1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên doanh nghiệp : Công ty cổ phần Thép Mê Lin
- Tên tiếng Anh : Me Lin Steel Joint Stock Company
- Tên viết tắt : Me Lin Steel J.S.C
- Trụ sở chính : Khu hành chính số 08, phường Đồng Đa, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Người đại diện theo pháp luật : Phạm Quang – Giám đốc Công ty
- Điện thoại : (0211)2479553 Fax: (0211)2479553
- Logo :



**melinsteel**

- Website : <http://melinsteel.vn/>
- Vốn điều lệ đăng ký : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn điều lệ thực góp : 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng)
- Ngày trở thành công ty đại chúng: 12/06/2017 (Công văn số 3879/UBCK-GSĐC ngày 12/06/2017 của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước).
- Giấy Đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ giấy Đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa phân vào đâu Chi tiết:- Gia công, sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm thép	2599 (chính)
2	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết:- Sản xuất các sản phẩm từ kim loại (trừ máy móc, thiết	2511

	bị)	
3	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc thay thế	4659
4	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Mua bán sắt, thép, ống thép, kim loại màu - Mua bán khoáng sản, kim loại (theo quy định hiện hành của Nhà nước)	4662
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết:- Dịch vụ cho thuê kho	5210
6	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
7	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết:- Kinh doanh bất động sản quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê - Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, khu đô thị, cho thuê văn phòng, căn hộ	6810
9	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết:- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà nước (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật)	8299

***Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:***

- Gia công, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm thép...
- Đầu tư, kinh doanh khu công nghiệp, khu đô thị, cho thuê văn phòng, căn hộ...

***1.2 Quá trình hình thành phát triển***

Công ty cổ phần Thép Mê Lin tiền thân là Công ty TNHH Thép Mê Lin chính thức được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1902000310 do Phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13/01/2003 và chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng.

Trải qua gần 15 năm hoạt động, Công ty đã khẳng định được vị thế và quy mô của mình trong ngành thép. Công ty xây dựng được mối quan hệ bạn hàng với các nhà sản

xuất thép lớn trên thế giới, mạng lưới khách hàng trong nước không ngừng mở rộng. Tháng 9/2015 Công ty chính thức chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH thép Mê Lin sang Công ty CP thép Mê Lin theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 02/10/2015 cấp thay đổi lần thứ 16 với vốn điều lệ là 120.000.000.000 đồng, thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016 với số vốn điều lệ là 150.000.000.000 đồng.

Quá trình hình thành và phát triển của Công ty qua các thời kỳ như sau:

**Năm 2003:** Công ty TNHH Thép Mê Lin được thành lập với số vốn điều lệ 10 tỷ đồng.

**Tháng 9 Năm 2003:** Tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 15 tỷ đồng.

**Năm 2007 – Năm 2010:** Tăng vốn 4 lần từ 15 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng.

**Năm 2011:** Thành lập chi nhánh Công ty TNHH Thép Mê Lin tại Hà Nội và Hải Phòng.

**Năm 2015:** Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH thép Mê Lin sang Công ty Cổ phần thép Mê Lin.

**Năm 2016:** Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng.

**Năm 2017:** Trở thành công ty đại chúng với mã chứng khoán: MEL.

### 1.3 *Quá trình tăng vốn điều lệ*

Từ khi chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần đến nay công ty đã thực hiện 01 lần thay đổi vốn điều lệ.

**Bảng số 1: Tổng hợp quá trình tăng vốn**

Lần	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành đợt phát hành (ngày)	Vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức phát hành
1	Năm 2016	31/12/2016	30.000.000.000	150.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thép Mê Lin)

*Cơ sở pháp lý:*

- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 08/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/10/2016 thông qua phương án phát hành;
- Giấy Đăng ký kinh doanh số 2500222727 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 13 tháng 01 năm 2003, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 14 tháng 11 năm 2016

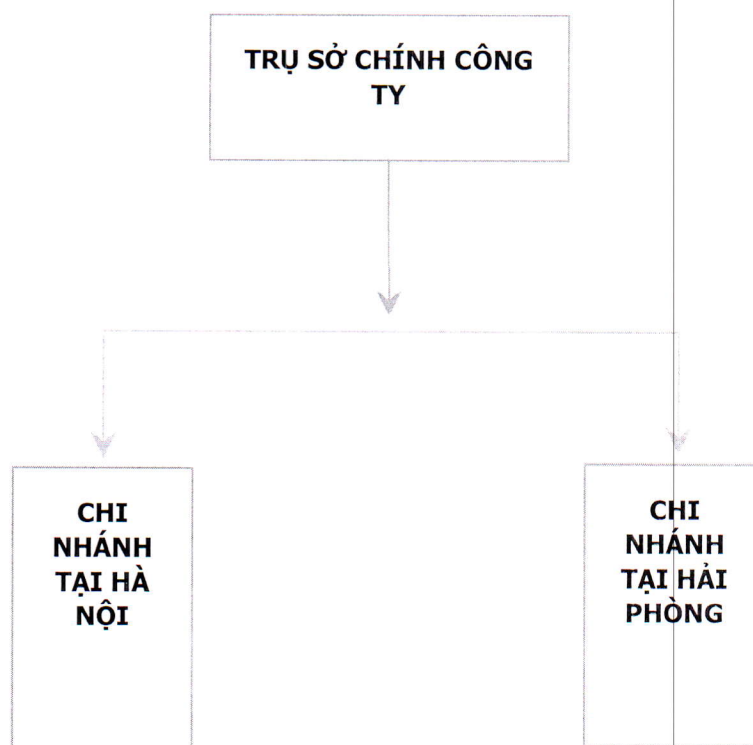
*Chi tiết đợt phát hành:*

- Hình thức phát hành: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 3.000.000 cổ phần
- Tổng giá trị phát hành: 30.000.000.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cp
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu

- Tỷ lệ phát hành: 4:1 (Tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 4 cổ phiếu được quyền mua thêm 1 cổ phiếu mới)
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 30/06/2016
- Ngày bắt đầu chào bán: 28/10/2016
- Ngày hoàn thành chào bán: 31/12/2016
- Số lượng người tham gia đợt phát hành: 03 người
- Hình thức góp vốn: Bằng tiền
- Phương án sử dụng vốn: Hợp tác kinh doanh và bổ sung nguồn vốn lưu động

## 2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty CP thép Mê Lin được tổ chức và hoạt động theo luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan; cơ cấu tổ chức Công ty hiện tại như sau:



Trụ sở chính, chi nhánh của Công ty được đặt tại các địa chỉ sau:

### **Trụ sở chính :**

Địa chỉ: Khu hành chính số 8 - Phường Đồng Đa- Thành phố Vĩnh Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc

### **Chi nhánh tại Hà nội:**

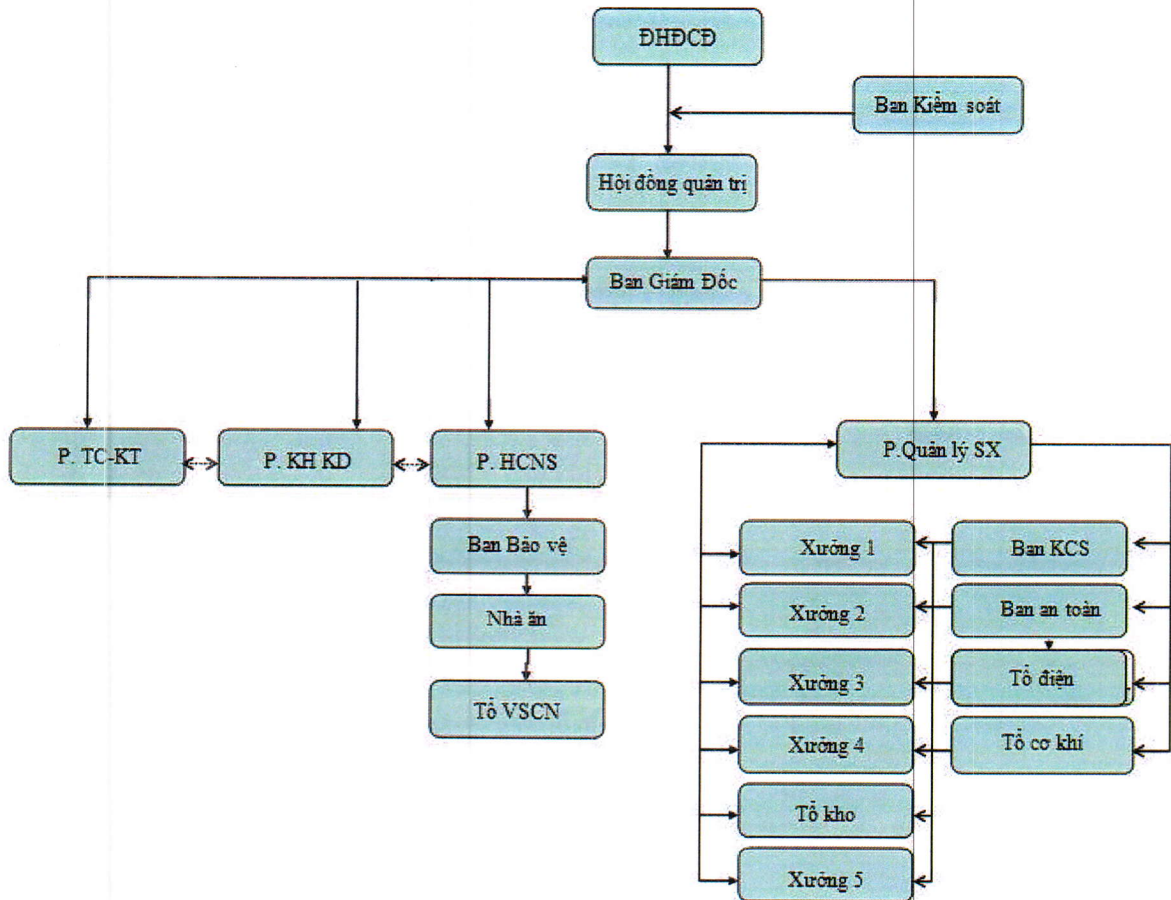
Địa chỉ: KCN Quang Minh (Km9 đường Bắc Thăng Long - Nội Bài), Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh , Thành phố Hà nội.

### **Chi nhánh tại Hải Phòng :**

Địa chỉ : Km 93+500, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Sơ đồ số 2: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

#### 3.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề lớn về tổ chức hoạt động, sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển... của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên;
- Quyết định số ủy viên HĐQT;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn Ủy viên HĐQT, Ban kiểm soát;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ Công ty;

#### 3.2 Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản

trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm:

- |                          |                 |
|--------------------------|-----------------|
| - Bà Lê Thị Hương Giang: | Chủ tịch HĐQT   |
| - Ông Phạm Quang:        | Thành viên HĐQT |
| - Ông Lê Hồng Minh:      | Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Tiến Nghĩa: | Thành viên HĐQT |
| - Bà Nguyễn Vân Anh:     | Thành viên HĐQT |

### **3.3 Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát gồm:

- |                        |                |
|------------------------|----------------|
| - Bà Ma Thị Bích Thủy: | Trưởng ban BKS |
| - Ông Lê Minh Hải:     | Thành viên BKS |
| - Ông Chu Đức Khương:  | Thành viên BKS |

### **3.4 Ban Giám đốc**

Bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực. Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban Giám đốc hiện tại gồm:

- |                         |              |
|-------------------------|--------------|
| - Ông Phạm Quang        | Giám đốc     |
| - Bà Lê Thị Hương Giang | Phó Giám đốc |

### **3.5 Các phòng ban chức năng:**

#### **Phòng Tài chính – Kế toán**

Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

Quản lý, theo dõi chặt chẽ công nợ, định kỳ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, dự báo rủi ro nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn, tài sản và bảo toàn, phát triển vốn.

#### **Phòng Kế hoạch kinh doanh**

Chủ trì xây dựng chiến lược kinh doanh, phát triển và mở rộng thị trường; kế hoạch đầu tư và xúc tiến đầu tư (trung, dài hạn); xây dựng kế hoạch SXKD.

Chịu trách nhiệm thương thảo, tổ chức giao kết hợp đồng, các đơn hàng sản xuất, đặt hàng và mua sắm tài sản, VTVL phục vụ kế hoạch SXKD hằng năm; chủ trì hoặc

phối hợp xây dựng mức khoán chi phí, nhiên liệu, điện, dịch vụ thuê ngoài hoặc chi phí khoán bằng tiền và hiện vật khác.

#### **Phòng Hành chính – Nhân sự**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

#### **Phòng Quản lý sản xuất**

Tham mưu cho Ban Giám đốc công ty trong công tác hoạch định tổ chức sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp nhằm đảm bảo kế hoạch mục tiêu của công ty theo tháng/quý/năm.

Khai thác và vận hành hiệu quả hệ thống dây chuyền công nghệ của công ty hướng tới chất lượng sản phẩm đạt yêu cầu khách hàng và tiết kiệm nhiên nguyên vật liệu.

#### **4. Danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty và cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 19/05/2017**

##### **4.1 Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến thời điểm 19/05/2017**

**Bảng số 2: Cơ cấu cổ đông của Công ty**

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (Đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Trong nước</b>	<b>108</b>	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	108	15.000.000	150.000.000.000	100
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Tổ chức	0	0	0	0
2	Cá nhân	0	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>108</b>	<b>15.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 19/05/2017 CTCP Thép Mê Lin)

##### **4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

**Bảng số 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 19/05/2017**

TT	Họ tên	Địa chỉ	Số CMND	Số cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Lê Thị Hương Giang	Số 74 Phố Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà	011398097	6.750.000	45,00%



		Nội			
2	Phạm Quang	Số 315 Hoàng Hoa Thám, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	011499991	818.000	5,45%
3	Lê Hồng Minh	Số 74 Phố Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	013176086	1.500.000	10,00%
<b>Tổng cộng</b>				<b>9.068.000</b>	<b>60,45%</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 19/05/2017 CTCP Thép Mê Lin)

#### 4.3 Danh sách cổ đông sáng lập

**Bảng số 4: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 02/10/2015**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Lê Thị Hương Giang	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hổ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	7.200.000	60%
2	Phạm Quang	Số 315 - Đường Hoàng Hoa Thám - Quận Ba Đình - Tp.Hà Nội	1.200.000	10%
3	Lê Hồng Minh	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hổ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	3.600.000	30%
<b>Tổng cộng</b>			<b>12.000.000</b>	

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222727 cấp ngày 02/10/2015 CTCP Thép Mê Lin)

Ngày 09/03/2017, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017 thông qua việc chuyển nhượng cổ phần các cổ đông sáng lập cho các cổ đông không phải là cổ đông sáng lập, cụ thể như sau:

Bà Lê Thị Hương Giang chuyển nhượng 450.000 cổ phần cho Bà Nguyễn Thị Khánh. Số lượng cổ phần Bà Lê Thị Hương Giang nắm giữ còn lại là 6.750.000 cổ phần.

Ông Phạm Quang chuyển nhượng 382.000 cổ phần cho Bà Lê Thanh Hương. Số lượng cổ phần Ông Phạm Quang nắm giữ còn lại là 818.000 cổ phần.

Ông Lê Hồng Minh chuyển nhượng 270.000 cổ phần cho Bà Nguyễn Tường Vi; chuyển nhượng 510.000 cổ phần cho Bà Nguyễn Thị Hà; chuyển nhượng 620.000 cổ phần cho Bà Nguyễn Thị Thúy Vân; chuyển nhượng 200.000 cổ phần cho Bà Nguyễn Thị Khánh; chuyển nhượng 500.000 cổ phần cho Bà Tạ Thị Lan Anh. Số lượng cổ phần Ông Lê Hồng Minh nắm giữ còn lại là 1.500.000 cổ phần.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 119, luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, số cổ

phần của cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Do vậy, sau khi chuyển nhượng, số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng từ ngày 02/10/2015 - 02/10/2018 là 9.068.000 cổ phần.

**Bảng số 5: Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 19/05/2017**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Thời gian hạn chế CN
1	Phạm Quang	Số 315 - Đường Hoàng Hoa Thám - Quận Ba Đình - TP Hà nội	818.000	5,45%	02/10/2015 – 02/10/2018
2	Lê Thị Hương Giang	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	6.750.000	45%	02/10/2015 – 02/10/2018
3	Lê Hồng Minh	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	1.500.000	10%	02/10/2015 – 02/10/2018
	<b>Tổng cộng</b>		<b>9.068.000</b>	<b>60,45%</b>	

(Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 19/05/2017 CTCP Thép Mê Lin)

**5. Danh sách công ty mẹ, các công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết**

**5.1 Danh sách Công ty mẹ của Công ty cổ phần Thép Mê Lin**

Không có

**5.2 Danh sách Công ty con của Công ty cổ phần Thép Mê Lin**

Không có

**5.3 Danh sách Công ty mà Công ty cổ phần Thép Mê Lin đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối**

Không có

**5.4 Danh sách Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối Công ty cổ phần Thép Mê Lin**

Không có

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1 Các sản phẩm chính**

**6.1.1 Hoạt động thương mại thép:**

Hoạt động thương mại của công ty gồm hoạt động nhập khẩu, mua bán các sản phẩm thép thành phẩm phân phối cho khách hàng trong nước và hoạt động xuất khẩu nguyên liệu chính để sản xuất thép cho nước ngoài .

Đối với thị trường trong nước, Công ty cung cấp các loại sản phẩm thép cho các lĩnh vực hoạt động sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Cung cấp hàng thép cuộn, thép cây, thép cho các công ty chuyên hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Công ty đã cung cấp thép cho các công trình như Công ty Cổ phần ECOLAND, Công ty CP LIDECO, Công ty CP DANA Ý...
- Lĩnh vực nội thất: Cung cấp hàng thép ống, thép tấm cán nóng, cán nguội cho các công ty chuyên sản xuất mặt hàng nội thất như Công ty CP 190, Công ty CP Kiến trúc và nội thất ECO VN ...
- Lĩnh vực điện lạnh: Cung cấp hàng thép tấm, cuộn cán nóng, cán nguội, mạ kẽm, thép hợp kim cho các công ty chuyên sản xuất mặt hàng điện lạnh như Công ty TNHH nhựa & điện lạnh Hòa Phát, Công ty Nagakawa Việt Nam, Công ty TNHH FERROLI Việt Nam, Công ty điện tử Sao Mai ...
- Lĩnh vực gia dụng: Cung cấp hàng thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội cho các tập đoàn sản xuất đồ gia dụng như Tập đoàn Sunhouse, Tập đoàn Gold Sun...
- Lĩnh vực công nghiệp nặng như đóng tàu, sản xuất ô tô, chế tạo, kết cấu thép: công ty chuyên cung cấp hàng thép tấm cán nóng, cán nguội, mạ kẽm cho các công ty chuyên gia công chế tạo và lắp đặt kết cấu thép như Công ty CP Đầu tư và thương mại tổng hợp Quang Minh, Công ty CP Cơ khí Quảng Ninh, Công ty CP Cơ khí chính xác 3D, Công ty Honda Việt Nam, Công ty United Motor Việt Nam, Tổng công ty CN ô tô Việt Nam...

Đối với thị trường nước ngoài, Công ty chuyên xuất khẩu nguyên vật liệu chính để sản xuất ra sản phẩm thép đó là nguyên liệu Ferro. Đối tác chính của công ty là Công ty Metz Corporation.

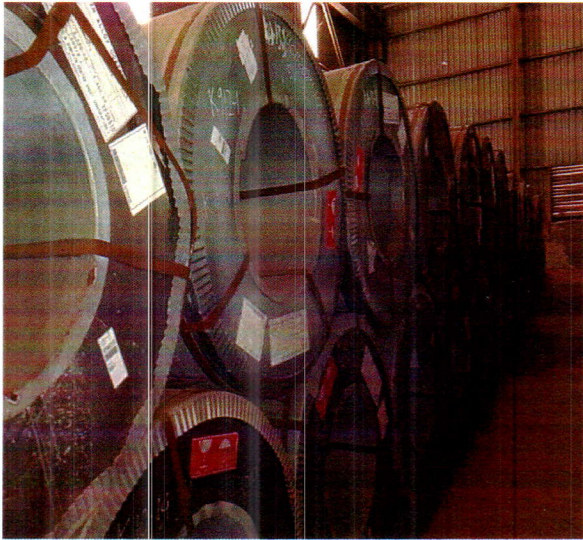
*Một số hình ảnh mặt hàng thép công ty cung cấp trên thị trường trong và ngoài nước:*



Thép cuộn cán nóng



Thép cuộn mạ kẽm



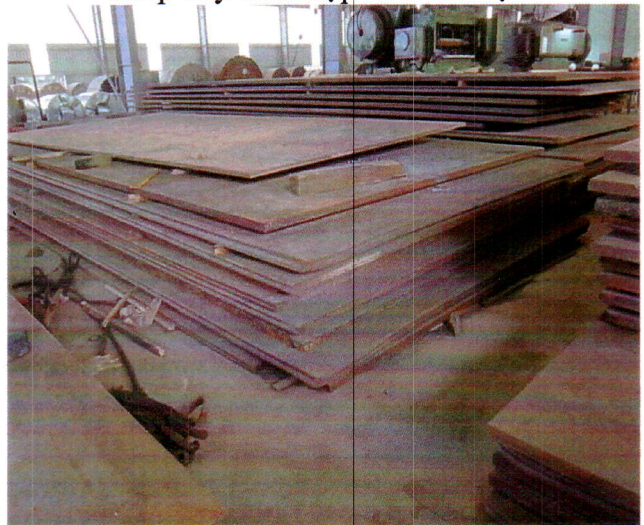
Thép cuộn cán nguội



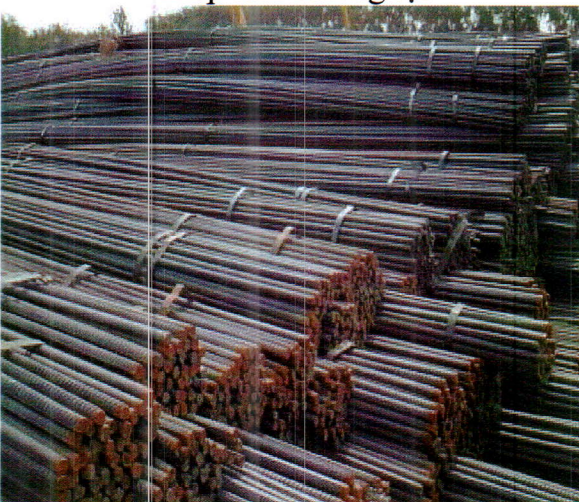
Thép cây tròn hợp kim chế tạo



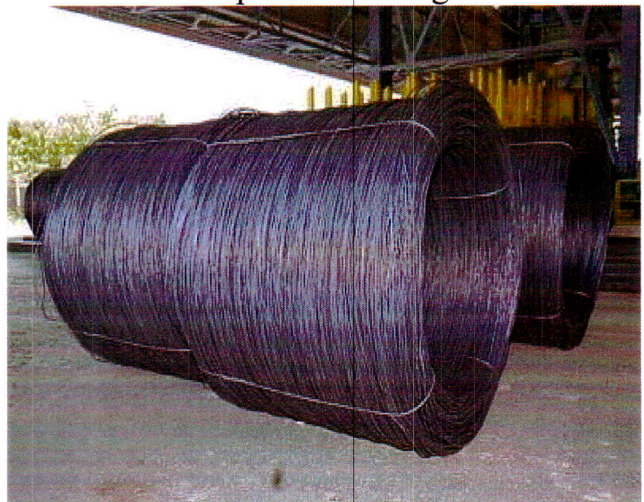
Thép tấm cán nguội



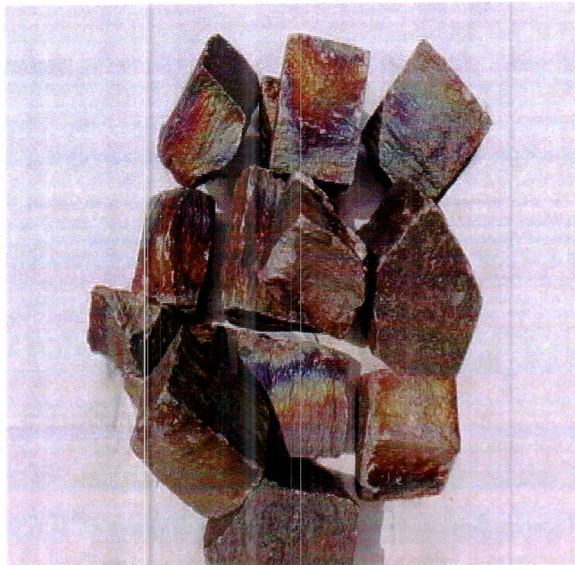
Thép tấm cán nóng



Thép cây xây dựng



Thép cuộn xây dựng



Frerro Mangan



Ferro Silic

### 6.1.2 Hoạt động gia công sản phẩm thép :

Hoạt động gia công sản phẩm thép của công ty là hoạt động cắt, xẻ, nắn,... các loại cuộn, tấm thép mà công ty nhập mua về thành những sản phẩm thép cuộn, thép tấm với hình dáng, kích thước khác nhau theo nhu cầu của khách hàng. Các sản phẩm thép sau khi gia công đều được cung cấp cho các lĩnh vực kinh doanh như xây dựng, điện lạnh, gia dụng, công nghiệp nặng, nội thất....

*Các sản phẩm thép do công ty gia công như sau:*



Thép tấm cán nguội



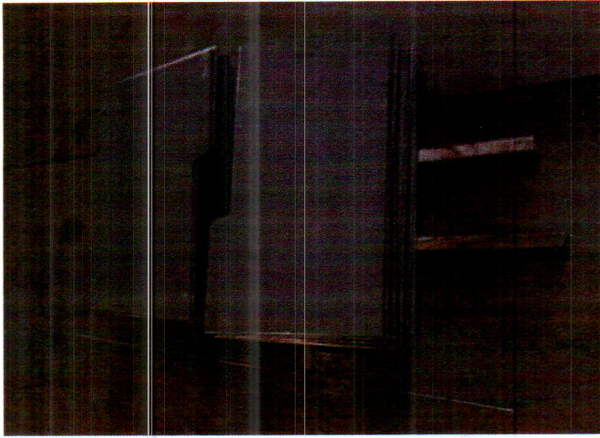
Thép tấm cán nóng



Thép lá mạ



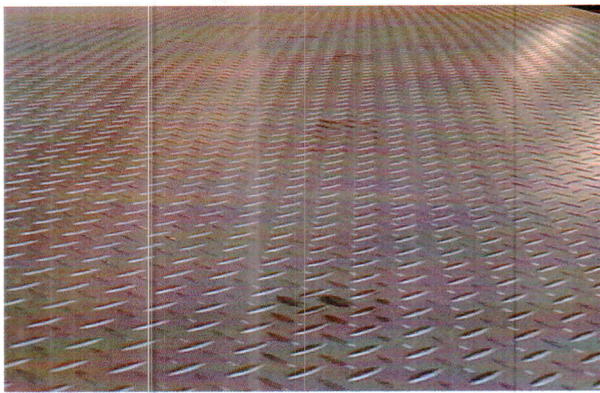
Thép mạ xẻ băng



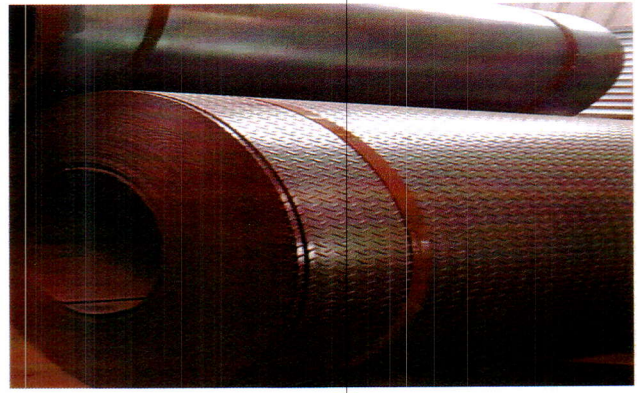
Thép sản định hình



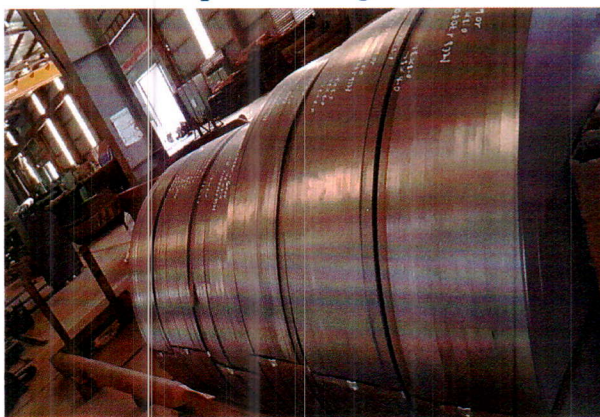
Thép lá cán nóng



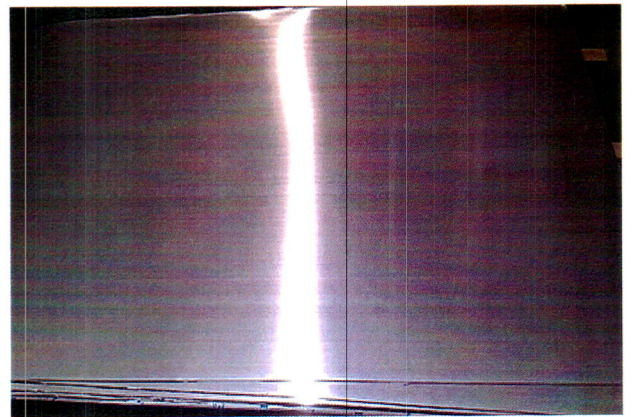
Thép tấm chống trượt



Thép cuộn chống trượt



Thép xẻ băng cán nguội



Thép tấm không gỉ (inox)

### 6.1.3 Hợp tác đầu tư dự án bất động sản, dự án nhà máy sản xuất thép và năng lượng:

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính là thương mại, gia công các sản phẩm thép, Công ty còn tham gia hợp tác đầu tư trong lĩnh vực bất động sản và lĩnh vực sản xuất thép và năng lượng.

✚ Đối với lĩnh vực đầu tư dự án bất động sản:

- Cơ sở pháp lý: Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HTĐT/NHS-QMML ngày 19/02/2014 ký ba bên giữa Công ty TNHH Thép Mê Lin, CTCP Đầu tư và Thương mại tổng hợp Quang Minh và CTCP Đầu tư xây dựng NHS về việc cùng nhau hợp tác để thực hiện đầu tư, kinh doanh dự án Tổ hợp thương mại, siêu thị, văn phòng và Nhà ở để bán tại số 75 đường Nguyễn Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội.

- Tỷ lệ góp vốn: Các bên thống nhất thực hiện việc góp vốn đầu tư dự án theo tỷ lệ như sau:
  - + Bên A (Công ty CP Đầu tư xây dựng NHS): góp 50% tổng vốn góp đầu tư dự án;
  - + Bên B (Công ty CP Đầu tư và thương mại tổng hợp Quang Minh): góp 25% tổng vốn góp đầu tư dự án;
  - + Bên C (Công ty CP Thép Mê Lin): góp 25% tổng vốn góp đầu tư dự án;
- Quy mô dự án: Diện tích 8.645m<sup>2</sup>. Trong đó:
  - + Diện tích xây dựng công trình Tổ hợp thương mại, siêu thị, văn phòng và nhà ở để bán: 6.515,7m<sup>2</sup>;
  - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 90.960,8 m<sup>2</sup> gồm cả tổng diện tích tầng hầm 13.774m<sup>2</sup>; Kiến trúc dự án bao gồm 02 tòa tháp cao 35 tầng;
  - + Quy mô dân số khoảng 1.300 người;
- Tiến độ thực hiện dự án:
  - + Giai đoạn thực hiện đầu tư từ năm 2014 – năm 2016.
  - + Giai đoạn bàn giao, đưa dự án vào hoạt động: Từ đầu năm 2017 cho phần diện tích các căn hộ chung cư.
- Phân chia lợi nhuận : Các bên thỏa thuận thống nhất việc phân chia lợi nhuận trên cơ sở tỷ lệ góp vốn của mỗi bên.
- Sản phẩm của dự án:
  - + Loại 1: sản phẩm là các căn hộ để bán nằm trong tòa nhà.
  - + Loại 2: Các diện tích thương mại có thể chia được bằng sản phẩm nằm trong tòa nhà như : Khu văn phòng, Khu thương mại, siêu thị thuộc bốn tầng khối đế và diện tích xung quanh tòa nhà.
  - + Loại 3: Các diện tích thương mại không thể chia được bằng sản phẩm nằm trong tòa nhà/ nằm ngoài tòa nhà như : Khu tập thể dục thể thao, bể bơi, nhà trẻ, khu hầm để xe, tầng kỹ, tầng sinh hoạt chung, các tiện ích công cộng, sảnh chờ, hành lang, thang máy, lối thoát hiểm.... tầng áp mái ( nếu có phát sinh), các diện tích đất thuê và các công trình xây dựng trên đó phát sinh ngoài các công trình thuộc khối tòa nhà.
  - + Loại 4: Các lợi ích thu được từ giá trị thương quyền, lợi thế thương mại phát sinh trực tiếp hay gián tiếp từ việc khai thác kinh doanh như: Giá trị thương hiệu, thương quyền, giá trị dịch vụ quảng cáo, giá trị từ việc cung cấp dịch vụ công cộng...
- Tình hình thực hiện dự án: Dự án đã hoàn thiện xong toàn bộ diện tích các tầng có chức năng căn hộ chung cư của 2 tòa tháp. Đối với phần diện tích khu thương mại, siêu thị, văn phòng đang trong giai đoạn hoàn thiện. Dự kiến Quý I năm 2018 sẽ hoàn thành và đi vào sử dụng.
- Tình hình hợp tác kinh doanh dự án của Công ty CP Thép Mê Lin: Công ty thực hiện góp vốn triển khai dự án theo quy định và đã bán, bàn giao phần lớn các căn hộ cho khách hàng. Công ty đã ghi nhận một phần lợi nhuận thu được từ việc bán các căn hộ trong năm 2015. Hiện nay công ty vẫn tiếp tục chuyển tiền đầu tư thực hiện các hạng mục còn chưa hoàn thiện. Ngày 18/05/2017, công ty đã ký hợp đồng số

080517/HĐMB/DV/75TT/NHS mua phân diện tích sản dịch vụ thương mại từ chủ đầu tư của dự án để tiếp tục khai thác cho thuê đối với phân diện tích thương mại.

*Một số hình ảnh về dự án :*



✚ *Đối với hoạt động đầu tư trong lĩnh vực sản xuất thép và năng lượng :*

- *Cơ sở pháp lý:* Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT/KKV-ML ngày 06/10/2016 ký giữa CTCP thép Mê Lin với CTCP Kim Khí Việt về việc đầu tư xây dựng nhà máy liên hiệp cắt xẻ Thép và chế biến than tại Hải Phòng.

- Tỷ lệ góp vốn của Công ty CP Thép Mê Lin: 15% vốn chủ sở hữu trên tổng vốn đầu tư, 85% còn lại do CTCP Kim khí Việt góp vốn.

- *Quy mô dự án:* Nhà máy được xây dựng trên tổng quỹ đất có diện tích 47.785m<sup>2</sup>. Trong đó:

+ Diện tích xây dựng công trình nhà máy : 23.414,65 m<sup>2</sup> chiếm 49% tổng quỹ đất.

Trong đó :

+ Diện tích xây dựng nhà máy cắt xẻ thép : 12.110 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích xây dựng nhà máy chế biến than: 11.153 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích cho sân đường cây xanh: 45370.35 m<sup>2</sup> chiếm 51% tổng quỹ đất.

+ Công suất dự kiến : khoảng 100.000 tấn thép và 120.000 tấn than/ năm.

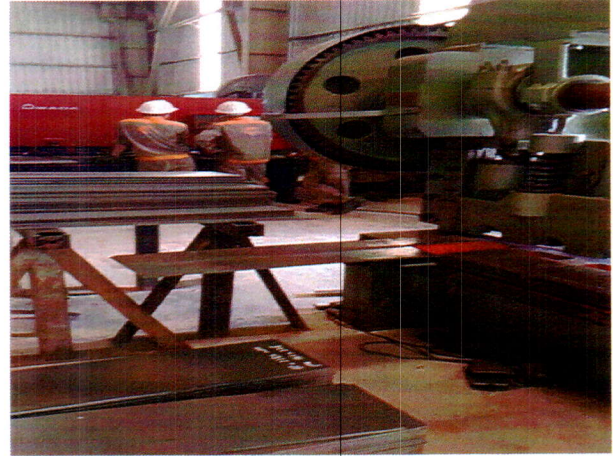
- *Tiến độ thực hiện dự án :*



- + Giai đoạn 1: Xây dựng Nhà máy cắt xẻ thép: từ năm 2016 – năm 2017.
- + Giai đoạn 2: Xây dựng Nhà máy chế biến than: từ năm 2018 – năm 2020.
- Hiệu quả dự án nhà máy sản xuất thép
  - + Sản lượng sản xuất: 100.000 tấn/năm. Trong đó :
    - Thép cán nóng: 40.000 tấn/năm
    - Thép cán nguội: 30.000 tấn/năm
    - Thép mạ: 30.000 tấn/năm
  - + Doanh thu hàng năm: 1.500 tỷ đồng. Trong đó :
    - Doanh thu thép cán nóng: 600 tỷ đồng
    - Doanh thu thép cán nguội: 465 tỷ đồng
    - Doanh thu thép mạ: 435 tỷ đồng
  - + Lợi nhuận hàng năm: 23 tỷ đồng.
- Hiệu quả dự án Nhà máy sản xuất than:
  - + Sản lượng sản xuất: 120.000 tấn/ năm. Trong đó:
    - Than nhiệt: 75.000 tấn/ năm
    - Than hoạt tính: 45.000 tấn / năm
  - + Doanh thu hàng năm: 500 tỷ đồng
    - Doanh thu than nhiệt: 240 tỷ đồng
    - Doanh thu than hoạt tính: 260 tỷ đồng
  - + Lợi nhuận hàng năm: 7 tỷ đồng
  - + Tổng doanh thu/ năm: 2.000 tỷ đồng
  - + Tổng lợi nhuận /năm: 30 tỷ đồng
- *Tình hình thực hiện dự án:* Dự án đang triển khai đến hạng mục hoàn thiện phần xây thô nhà xưởng, nhà văn phòng và đã nhập khẩu dây chuyền sản xuất bao gồm 07 máy cắt ( 03 máy đã lắp ráp xong còn 04 máy đang lắp ráp), 01 máy xẻ băng ( đang lắp ráp), dự kiến Quý IV/2017 dự án hoàn thành và bắt đầu đi vào hoạt động. Với quy mô và công suất hoạt động của nhà máy sau khi đi vào hoạt động hứa hẹn thu được hiệu quả kinh tế cao và đem lại lợi nhuận từ hoạt động đầu tư này của công ty.

*Một số hình ảnh trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị của dự án:*





## 6.2 Sản lượng, giá trị sản phẩm qua các năm

**Bảng số 6: Cơ cấu tổng doanh thu**

STT	Chỉ tiêu	Công ty TNHH Thép Mê Lin		Công ty cổ phần Thép Mê Lin					
		01/01/2015 – 30/09/2015	%/TDT	01/10/2015 – 31/12/2015	%/TDT	Năm 2016	%/TDT	01/01/2017 – 30/06/2017	%/TDT
1	Doanh thu thuần	731.246.592.096	91,03%	326.083.587.415	99,83%	1.065.001.804.534	99,90%	649.608.835.101	99,95%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	22.685.732.281	2,82%	337.104.023	0,10%	942.412.609	0,09%	241.118.840	0,04%
3	Thu nhập khác	49.403.956.701	6,15%	222.297.326	0,07%	167.672.968	0,02%	60.078.826	0,01%
	<b>Tổng</b>	<b>803.336.281.078</b>	<b>100%</b>	<b>326.642.988.764</b>	<b>100%</b>	<b>1.066.111.890.111</b>	<b>100%</b>	<b>649.910.032.767</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và BC tài chính bán niên soát xét năm 2017 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

Trong cơ cấu tổng doanh thu thì doanh thu thuần luôn chiếm tỷ lệ lớn khoảng 99% tổng doanh thu trong giai đoạn hoạt động công ty cổ phần. Tuy nhiên năm 2015, giai đoạn hoạt động dưới hình thức trách nhiệm hữu hạn, tỷ lệ doanh thu thuần giảm xuống 91,03% còn doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tăng mạnh là do trong giai đoạn này, công ty ghi nhận khoản lợi nhuận 22 tỷ đồng được phân chia từ việc tham gia

đầu tư hợp tác dự án tổ hợp thương mại và căn hộ tại 75 Tam Trinh - Quận Hoàng Mai – Hà nội và ghi nhận khoản thu nhập khác với giá trị 48 tỷ đồng từ việc đánh giá lại giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH sang công ty cổ phần.

**Bảng số 7: Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động**

STT	Chi tiêu	Công ty TNHH Thép Mê Lin		Công ty cổ phần Thép Mê Lin					
		01/01/2015 – 30/09/2015	%/DTT	01/10/2015 – 31/12/2015	%/DTT	Năm 2016	%/DTT	01/01/2017 – 30/06/2017	%/DTT
1	Doanh thu bán hàng hóa	626.735.663.355	85,71%	243.589.463.155	74,70%	827.877.518.547	77,73%	538.437.262.543	82,89%
2	Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	104.510.928.741	14,29%	82.494.124.260	25,30%	237.124.285.987	22,27%	111.171.572.558	17,11%
	<b>Tổng</b>	<b>731.246.592.096</b>	<b>100%</b>	<b>326.083.587.415</b>	<b>100%</b>	<b>1.065.001.804.534</b>	<b>100%</b>	<b>649.608.835.101</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin)*

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty thì doanh thu từ hoạt động bán hàng hóa thường chiếm từ 78% - 80% doanh thu thuần. Doanh thu bán hàng hóa của công ty bao gồm doanh thu xuất khẩu và doanh thu nội địa. Trong năm 2015, tính cả hai giai đoạn hoạt động, doanh thu xuất khẩu đạt 532 tỷ đồng chiếm 61,2% doanh thu bán hàng và doanh thu nội địa đạt 337 tỷ chiếm 38,7% doanh thu bán hàng. Trong năm 2016, doanh thu xuất khẩu đạt 48 tỷ chiếm 5,8% doanh thu bán hàng còn doanh thu nội địa đạt 779 tỷ chiếm 94,2%. Doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ bao gồm doanh thu bán sản phẩm do công ty gia công và doanh thu cho thuê văn phòng nhà xưởng. Trong năm 2015 doanh thu thành phẩm đạt 178,8 tỷ chiếm 96,2% doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ, doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng đạt 7,2 tỷ chiếm 3,8% doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ. Trong năm 2016 doanh thu thành phẩm đạt 233,4 tỷ chiếm 98,5% doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ, doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng đạt 3,6 tỷ chiếm 1,5% doanh thu bán thành phẩm và dịch vụ.

**Bảng số 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp**

STT	Chi tiêu	Công ty TNHH Thép Mê Lin		Công ty cổ phần Thép Mê Lin					
		01/01/2015 – 30/09/2015	%/DTT	01/10/2015 – 31/12/2015	%/DTT	Năm 2016	%/DTT	01/01/2017 – 30/06/2017	%/DTT
1	Lợi nhuận gộp của bán hàng hóa	32.137.934.325	4,39%	3.574.934.896	1,10%	15.954.904.738	1,50%	23.355.659.523	3,60%
2	Lợi nhuận gộp của bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	4.188.094.786	0,57%	2.387.768.558	0,73%	52.561.028.421	4,94%	15.157.370.201	2,33%
	<b>Tổng</b>	<b>36.326.029.111</b>	<b>4,97%</b>	<b>5.962.703.454</b>	<b>1,82%</b>	<b>68.515.933.159</b>	<b>6,43%</b>	<b>38.513.029.724</b>	<b>5,93%</b>

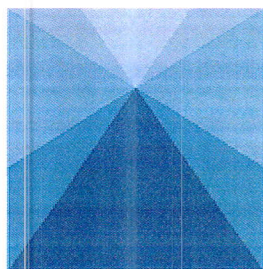
(Nguồn: BCTC kiểm toán từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

Năm 2015, biên lợi nhuận gộp của công ty đạt 6,79%/doanh thu thuần trong đó biên lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng hóa chiếm 5,49%/doanh thu thuần. Biên lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm và dịch vụ chiếm 1,3%/ doanh thu thuần. Năm 2016 biên lợi nhuận gộp của công ty đạt 6,43%/ doanh thu thuần có giảm so với năm 2015 nhưng lợi nhuận gộp lại tăng từ 42 tỷ lên 68 tỷ. Đạt được kết quả tăng trưởng lợi nhuận gộp trong năm 2016 là do công ty nhận được rất nhiều các đơn hàng gia công thép phục vụ ngành công nghiệp sản xuất nội thất phục vụ cho các dự án bất động sản, ngành sản xuất sản phẩm tiêu dùng điện máy như ống sản xuất điều hòa, các sản phẩm inox. Trong 6 tháng đầu năm 2017, biên lợi nhuận gộp đạt 5,93%/ doanh thu thuần tuy nhiên lợi nhuận gộp tiếp tục tăng trưởng hơn so với cùng kỳ năm 2016 và lợi nhuận gộp của hoạt động bán hàng hóa đạt 23 tỷ chiếm 3,6%/doanh thu thuần còn lợi nhuận gộp của thành phẩm và dịch vụ đạt 15 tỷ chiếm 2,33%/ doanh thu thuần. Có thể thấy trong 6 tháng đầu năm 2017 lợi nhuận của cả hai mảng hoạt động khá cân bằng.

### **6.3 Nguyên vật liệu**

#### **6.3.1 Nguyên vật liệu**

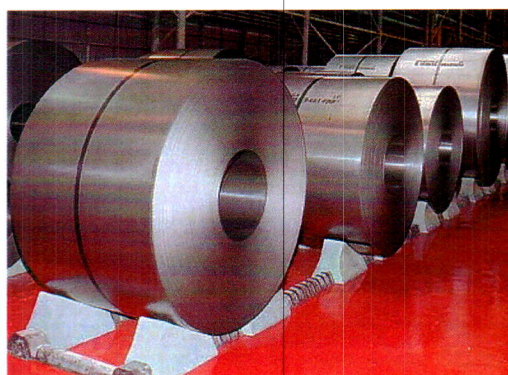
Vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là thép thành phẩm. Thép chủ đạo mà công ty hiện đang kinh doanh bao gồm thép nhập khẩu và thép sản xuất trong nước. Tỷ trọng thép nhập khẩu chiếm 80% tổng giá trị nguyên liệu đầu vào của công ty. Thép nhập khẩu công ty đều nhập khẩu chủ yếu của các nhà cung cấp rất lớn đến từ Nhật Bản như: Nippon Steel, Seiwa Corporation, R&K, Metz.... , ngoài ra công ty còn nhập khẩu mặt hàng khác từ các công ty Trung Quốc, Hồng Kông. Công ty có quan hệ với các nhà cung cấp này từ những ngày mới thành lập đi vào hoạt động sản xuất, nhà máy của công ty được xây dựng theo đúng mô hình coil center của Nhật Bản. Các đối tác Nhật Bản là những nhà sản xuất lớn có uy tín trên thế giới. Công ty đã hợp tác với họ hơn 14 năm qua tạo nên uy tín với nhà cung cấp từ việc đặt hàng, thanh toán. Chính vì vậy các nhà cung cấp luôn đáp ứng nguồn nguyên liệu đầu vào cho công ty ổn định, đa dạng, giá nhập luôn tốt. Công ty cũng được các nhà cung cấp này cho ký các Hợp đồng trả chậm 3 tháng – 6 tháng. Nguyên vật liệu đều là các thép thành phẩm từ Nhật nên có chất lượng rất tốt, đáp ứng được các dự án, công trình, sản phẩm đòi hỏi sự kiểm định, chất lượng cao.... Đối với mặt hàng thép sản xuất trong nước chiếm 20% tổng giá trị nguyên liệu đầu vào, công ty nhập mua thép của các doanh nghiệp sản xuất thép lớn trong nước như Hòa Phát, Posco Việt Nam.. và đã thiết lập được mối quan hệ bạn hàng uy tín và tin cậy. Tuy nhiên do đặc thù hoạt động kinh doanh ngành thép, việc biến động giá nguyên liệu thép trên thị trường thế giới cũng có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của công ty qua các năm.



**NIPPON STEEL &  
SUMITOMO METAL**



**HYUNDAI  
STEEL**



### 6.3.2 Nhà cung cấp

**Bảng số 9: Danh sách nhà cung cấp**

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ
<b>Nhà cung cấp trong nước</b>		
1	Chi nhánh Công ty TNHH ống Thép Hòa phát	Như Quỳnh Văn Lâm Hưng Yên
2	Công ty Cổ phần nội thất 190	Km 89 Mỹ Tranh, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng
3	Cty TNHH thương mại Hòa Phát	119 Hai Bà Trưng , Hà Nội
4	Công ty CP Cầu trục và Thiết bị AVC	Đường 206, Lạc Hồng, Văn Lâm Hưng Yên
5	Công ty Cổ phần thiết bị Thành Thái	Nhân Vinh, Dị Sử, Mỹ Hào, HY
6	Công ty cổ phần sản xuất thương mại Đa Liên	Cụm CN Bình phú - Bình Phú - Thạch Thất - Hà nội
7	Công ty cổ phần Nam Hồng	Km 6 Bắc Thăng Long - Nội Bài - Hà nội
8	Công ty TNHH Vận tải thương mại Xuyên Việt	Số 264 Lê Thánh Tông – HP
9	Cty cổ phần Bảo hiểm Nhà Rồng	185 Điện Biên Phủ, Q1, TPHCM
10	Công Bảo hiểm PJICO Hưng Yên Tổng ty bảo hiểm Pjico	285 Phố Nối - Mỹ Hào - Hưng Yên

11	Công ty TNHH Posco Việt Nam	Lô 1 - KCN Phú Mỹ 2 - Tân Thanh - Bà Rịa VT
12	Công ty Cổ phần Thái Bình Dương - Đà Nẵng	92 Phan Châu Trinh, Q Hải Châu, TP Đà Nẵng
13	Công ty Cổ phần thép Trang Khanh	197 lô 22 đường Lê Hồng Phong, Đông Khê, Ngô Quyền, TP HP
14	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng - CN Cảng Hoàng Diệu	Số 3 - Lê Thánh Tông - Ngô Quyền - Hải Phòng
15	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	8A Trần Phú - Hải Phòng
16	Cty CP Bourbon Bến Lức	ấp Thuận Đạo - TT Bến Lức - H Bến Lức - Tỉnh Long an
17	Cty TNHH Marubeni itochu steel Việt Nam	số 1499 Đường Bùi Hữu Nghĩa,tổ 20, ấp 2, xã Tân Hạnh,Biên Hòa,ĐN
18	Công ty TNHH Kiên Trung	92 Tô Hiệu, Hà Đông, HN
19	Công ty TNHH Đức Quốc	237 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, HN
20	Công ty TNHH gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	Khu kinh tế vũng áng, xã Kỳ Long, Kỳ Anh, Hà Tĩnh
21	Công ty TNHH một thành viên cảng Hoàng Diệu	Số 3, đường Lê Thánh Tông, P. Máy Tơ, Ngô Quyền, HP
22	Công ty Cổ Phần ống Thép Việt Đức VGPIPE	KCN Bình Xuyên Huyện Bình Xuyên Vĩnh Phúc
23	Công ty CP thép DaNa - Uc	Đường số 1, KCN Thanh Vinh. Xã Hòa Liên, Hòa Vang, Đà Nẵng
24	Cty TNHH thép cán nguội Hoà Phát	Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên
25	Cty TNHH 1 TV Cảng Bến Nghé	Số 9 - Đường Bến Nghé, Tân Thuận Đông, Quận 7, TP HCM
26	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Minh Ngọc	Khu D KCN Phố nổi A, Văn Lâm, Hưng Yên
27	Cty TNHH Phú Lộc	Đường 5B Cụm CN Thanh Vinh, Đà Nẵng
28	Công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại	Xã Lạc Đạo, Văn Lâm, Hưng Yên
29	Tổng Cty CP Bảo hiểm Bảo Long	Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
<b>Nhà cung cấp nước ngoài</b>		
1	GUANGXI PINGXIANG ZHENGUAN IMPORT&EXPORT TRADING CO.,LTD	China

2	Tetsusho (Singapore) PTE. LTD Hanoi Representa..	Unit 5, 17th Floor, Charm Vit Tower, 117 Tran Duy Hung Str, HN
3	METZ CORPOARATION	Minami-aoyama d BLDG Minato-Ku- Japan
4	ZHEJIANG MATERIALS INDUSTRY INTERNATIONAL CO., LTD	No 445 Kaixuan Road, Hangzhou, China
5	BLUESCOPE STEEL	Engineering Building Five inlanda Road Port Kemia
6	Hyundai steel company	231, Yangjea-dong, Seochu-gu, Seoul 137-938, Korea
7	TETSUSHO	7th fl, Kanayama Building, 1-2-12 Shinkawa, Chuo-ku Tokyo
8	Seiwa corporation	Marudai higibashi Building,15-20 Edobori 1 chomeka 550-00002,JP
9	BAOSOURCE SHIPPING PTE, LTD	Huangpu, Shanghai
10	R and K Tranding Co.LTD	Nishi-ku,Qsaka 550-0002 Japan
11	Nippon steel trading Co.,LTD	Shin - Otemachi Bldg, 4F, 2-1, Otemachi 2- Chome,Japan
12	Steelco pacific trading limited	Room 3502, 35/F, China Online Centre, 333 lockhart, Hongkong
13	Hongkong grand international Co., LTD	Suite 1505-6 Abilon Plaza Hong Kong
14	Win Faith Trading Limited	Rm 1401 14/F World Commerce
15	BURWILL RESOURCES LIMITED	14/7F, Office Tower 1 Harbour Road Wanchai, Hong Kong
16	HANGZHOU COGENERATION (HONG KONG) CO LTD.	Unit 1501A, 15/F Low Block, Grand Millennium Plaza, HK
17	EVERRICH GLOBAL RESOURCE CO., LTD	P 01 21/F Prosper Commercial Building 9 YinChong Street Kowloon
18	STEMCOR (S.E.A) PTE LTD	541 Orchard Road, Unit 17 Liat Towers, Singapore
19	Baogang Zhan Bo International Trade Limited	ROOM 3109, TOWER ONE, LIPPO CENTRE, 89 QUEENSWAY, HONGKONG
20	Baotou steel international economic and trading Co., LTD	Kundulun Boutou city china
21	Future Material industry(Hongkong) Co., Limited	2-6 Granville Road, Tsin Sha Tsui

22	Smart timing steel limited	Suite 1310, 5 canton, tsim sha tsui HK
23	Nippon steel & sumikin Bussan Corporation	5-27, Akasaka 8-Chome
24	Steelvision International Trading co.,LTD	Room1613 181 Johnston Road
25	TEWOO(HK) LIMITED	RM.1204,12F.,EMPEROR GROUP CENTRE, NO.288,HENNESSY, HONGKONG

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

#### *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới hoạt động sản xuất kinh doanh*

Trong hoạt động mua bán cũng như gia công sản phẩm thép, giá nguyên liệu đầu vào luôn chịu sự ảnh hưởng lớn từ giá thép luôn biến động trên thị trường thế giới và sự cạnh tranh của thép được nhập khẩu từ Trung Quốc (là nước chiếm 60% thị phần toàn thế giới). Giá nhập nguyên liệu đầu vào càng biến động sẽ ảnh hưởng mạnh giá vốn và kéo theo đó là lợi nhuận của công ty cũng bị ảnh hưởng.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng sự biến động giá nguyên liệu đầu vào, công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu thị trường, lên kế hoạch sử dụng vốn lưu động, chọn thời điểm giá tốt để trữ hàng để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty không bị gián đoạn và đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

#### **6.4 Chi phí sản xuất**

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty và được lên kế hoạch chi tiết cho từng danh mục hàng tháng và quý. Đặc biệt chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty được kiểm soát chặt chẽ.

**Bảng số 10: Cơ cấu chi phí của Công ty qua các năm**

STT	Chi tiêu	Công ty TNHH Thép Mê Lin		Công ty cổ phần Thép Mê Lin					
		01/01/2015 – 30/09/2015	%/DTT	01/10/2015 – 31/12/2015	%/DTT	Năm 2016	%/DTT	01/01/2017 – 30/06/2017	%/DTT
1	Giá vốn hàng bán	694.920.562.985	95,03%	320.120.883.961	98,17%	996.485.871.375	93,57%	611.095.805.377	94,07%
2	Chi phí tài chính	23.240.035.044	3,18%	11.735.103.837	3,60%	31.871.720.015	2,99%	14.907.760.963	2,29%
3	Chi phí bán hàng	11.591.905.142	1,59%	3.056.295.139	0,94%	7.016.400.069	0,66%	3.979.630.210	0,61%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.542.471.916	1,17%	2.944.156.051	0,90%	11.670.813.969	1,10%	6.324.922.301	0,97%
5	Chi phí khác	183.100.773	0,03%	7.625.373	0,001%	17.086.733	0,002%	4.114.141	0,001%
	<b>Tổng</b>	<b>738.478.075.860</b>	<b>100,99%</b>	<b>337.864.064.361</b>	<b>103,61%</b>	<b>1.047.061.892.161</b>	<b>98,32%</b>	<b>636.312.232.992</b>	<b>97,95%</b>



(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 năm 2017 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

*Giá vốn hàng bán:*

Do đặc thù của các công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu chi phí sản xuất hàng năm. Giá vốn hàng bán trung bình hàng năm duy trì ở mức 95% doanh thu thuần. Giá vốn hàng bán từ năm 2016 giảm là do công ty lựa chọn thời điểm giá tốt để nhập dự trữ hàng trong kho.

*Chi phí tài chính:*

Chi phí tài chính của Công ty chủ yếu đến từ chi phí lãi vay. Lãi suất vay ngân hàng qua các năm: năm 2015 là 9%, năm 2016 là 8%, 6 tháng đầu năm 2017 là 7%. Như vậy chi phí lãi vay được giảm dần qua các năm là do mức lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng giảm dần tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh của công ty thuận lợi. Tỷ trọng chi phí tài chính năm 2015 chiếm 3,31 % doanh thu thuần, năm 2016 chiếm 2,99% doanh thu thuần và 6 tháng năm 2017 chiếm 2,29% doanh thu thuần.

*Chi phí bán hàng:*

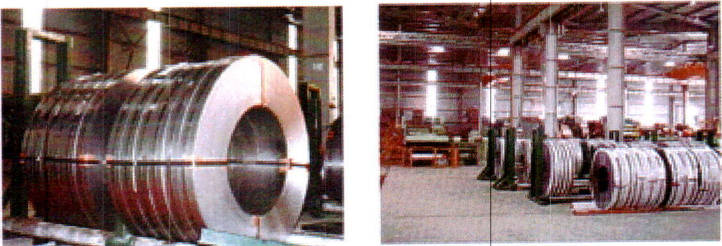
Chi phí bán hàng bao gồm các chi phí nhân công, vận chuyển, chi phí mở L/C ngân hàng, chi phí bảo hiểm.... công ty đã cải tiến các quy trình bán hàng, giao nhận đã làm giảm chi phí ở khâu bán hàng. Năm 2015 chi phí bán hàng là 14,6 tỷ chiếm 1,39% doanh thu thuần, năm 2016 chi phí bán hàng là 7 tỷ chiếm 0,66% doanh thu thuần và 6 tháng đầu năm 2017 chi phí bán hàng là 3,9 tỷ chiếm 0,61% doanh thu thuần. Bên cạnh chi phí tài chính thì chi phí bán hàng cũng được giảm dần qua các năm là do các đơn vị cung cấp dịch vụ cũng giảm phí dịch vụ cho công ty. Chi phí bán hàng năm 2015 trong giai đoạn trách nhiệm hữu hạn lớn là do phát sinh chi phí vận chuyển và dịch vụ liên quan đến hàng xuất khẩu.

*Chi phí quản lý doanh nghiệp:*

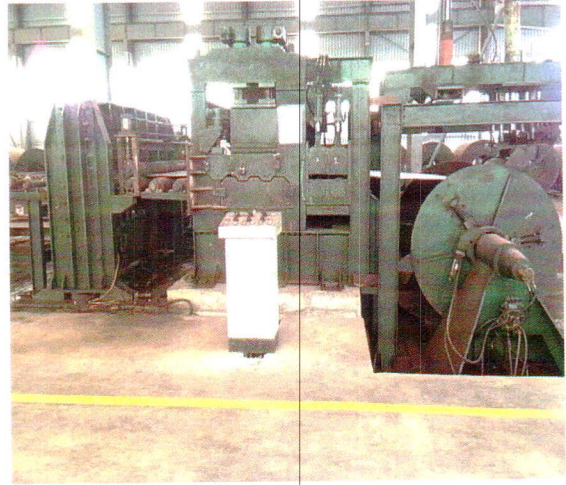
Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài .... Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2015 là 11,4 tỷ chiếm 1,09% doanh thu thuần, năm 2016 là 11,6 tỷ chiếm 1,1% doanh thu thuần và 6 tháng đầu năm 2017 là 6,3 tỷ chiếm 0,97% doanh thu thuần. Chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty không thay đổi qua các năm luôn chiếm tỷ lệ khoảng 1% doanh thu thuần trong khi một số các doanh nghiệp cùng ngành tỷ lệ chi phí quản lý thường chiếm 2% doanh thu thuần. Với tỷ lệ chi phí thấp hơn một số doanh nghiệp cùng ngành tạo ra lợi thế cạnh tranh cho công ty.

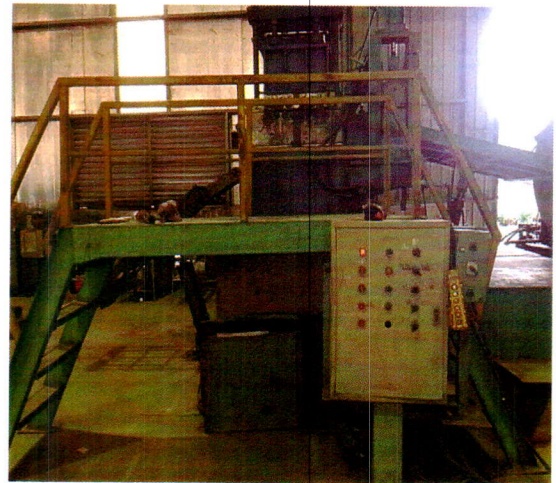
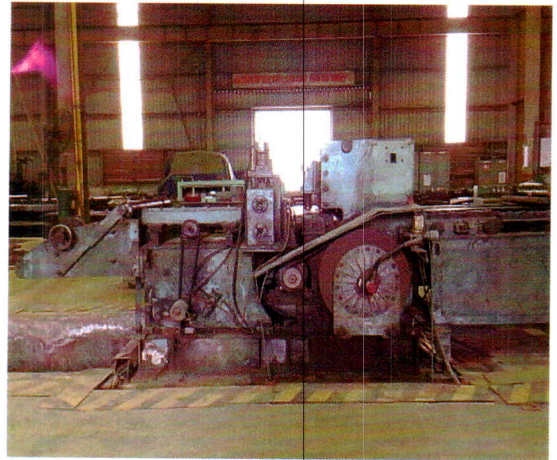
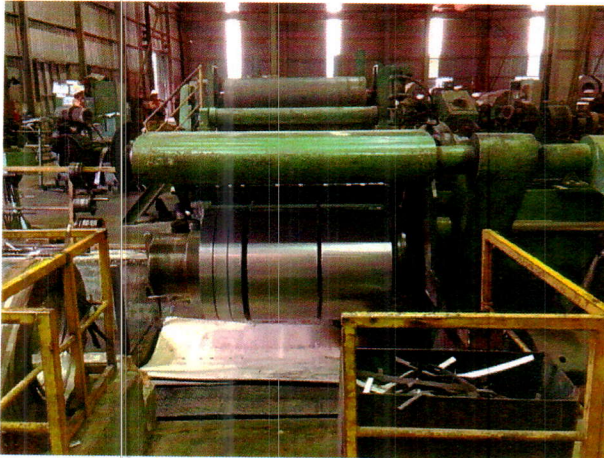
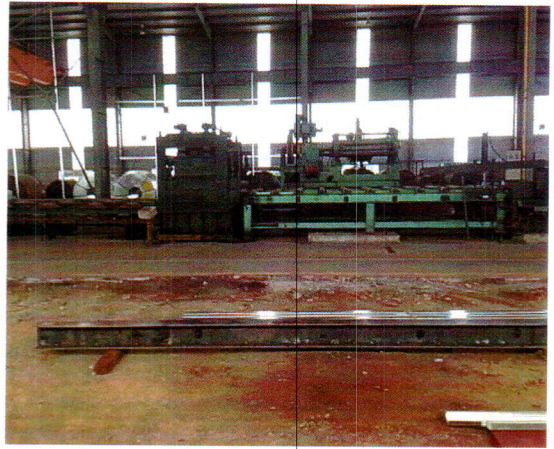
## **6.5 Trình độ công nghệ**

### **Bảng số 11: hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải**

Tên thiết bị Equipments	Năng lực Capacity (Tons/day)	Số lượng Quantity	Nguyên liệu đầu vào - Input material				Sản phẩm đầu ra Output Products	
			Loại hàng Items	Độ dày Thickness (mm)	Khả rộng Max-width (mm)	Trong lượng cuộn Max-coil weight (Tons)	Khả rộng Width (mm)	Chiều dài Max length (mm)
Dây chuyền nắn phẳng, cắt lá số 1 <i>Leveling&amp;shearing line NO.1</i>	300	1	Thép cuộn cán nóng <i>Hot rolled steel coils</i>	1.2 - 6.0	1,600	25	1,600	9,000
Dây chuyền nắn phẳng, cắt lá số 2 <i>Leveling&amp;shearing line NO.2</i>	300	1	Thép cuộn cán nóng <i>Hot rolled steel coils</i>	3.0 - 14.0	2,000	25	2,000	12,000
Dây chuyền nắn phẳng, cắt lá số 3 <i>Leveling&amp;shearing line NO.3</i>	150	1	Thép cuộn cán nguội mạ kẽm <i>Cold rolled steel coils and GI, GA, GL, EG</i>	0.2 - 2.0	1,300	15	1,300	3,000
Dây chuyền nắn phẳng, cắt lá số 4 <i>Leveling&amp;shearing line NO.4</i>	150	1	Thép cuộn cán nguội mạ kẽm <i>Cold rolled steel coils and GI, GA, GL, EG</i>	0.6 - 3.2	2,000	15	2,000	6,000
Dây chuyền xẻ băng <i>Slitting line</i>	300	1	Thép cuộn cán nóng, cán nguội, mạ kẽm <i>Cold &amp; hot rolled steel coils and GI, GA, GL, EG</i>	0.2 - 3.5	1,300	25	20 - 45	cuộn coils
Máy cắt thép lá tự động số 1 <i>Automatic shearing machine No.1</i>		1	Thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm <i>Cold rolled steel coils and GI, GA, GL, EG</i>	0.4 - 2.3	2,500		50	2,500
Máy cắt thép tấm số 2 <i>Shearing machine No.2</i>		1	Thép lá cán nóng <i>Hot rolled steel sheet</i>	14.0	2,500		50	2,500
Máy cắt thép tấm số 3 <i>Shearing machine No.3</i>		1	Thép lá cán nóng <i>Hot rolled steel sheet</i>	14.0	3,000		50	3,000
Cấu trúc <i>Crane</i>	5-30	15						
Cân xe ô tô <i>Truck Scale</i>	100	1						
Xe nâng <i>ForkLift</i>	10-25	2						
Xe tải <i>Truck</i>	1.25-50	10						

Một số hình ảnh hệ thống máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của Công ty:





Hệ thống dây chuyền của công ty chủ yếu là hệ thống máy cắt và dây chuyền xẻ thép và cầu trục. Tất cả các dây chuyền máy móc cắt, xẻ hiện có tại công ty đều có xuất xứ từ Nhật Bản. Công ty nhập khẩu các dây chuyền này từ các nhà máy sản xuất thép lớn của Nhật bản. Năm 2004, công ty nhập mua 07 máy cắt và 01 hệ dây chuyền máy xẻ thép, năm 2009 công ty đầu tư nhập mua tiếp 02 dây chuyền máy xẻ thép và đến năm 2011 công ty tiếp tục nhập mua máy xẻ băng, máy cắt với công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất và nhiều máy móc thiết bị phụ trợ khác. Từ khi thành lập đến nay công ty không ngừng đầu tư mở rộng quy mô, số lượng, chất lượng hệ thống dây chuyền phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Sản phẩm sản xuất ra có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu khắt khe về chất lượng, tiến độ đặc biệt đáp ứng yêu cầu của các khách hàng có vốn đầu tư FDI như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ..... Các dây truyền này là hệ thống cắt xẻ liên hoàn khép kín. Về công nghệ các dây chuyền đảm bảo các yêu cầu:

- Công nghệ Chế tạo : Sản xuất sản phẩm từ các nguyên vật liệu đầu vào tốt với độ chính xác cao, tiết kiệm điện năng đảm bảo độ bền hoạt động ổn định ít phải sửa chữa chỉ cần bảo dưỡng duy tu tốt. Đặc biệt dây chuyền hoạt động êm, độ ồn thấp và công nghệ bảo vệ môi trường. Quan trọng nhất là công nghệ chế tạo dao xẻ thì Nhật bản là nước đứng đầu thế giới về công nghệ này. Các dây chuyền này khi nhập khẩu đều được giám định đánh giá chất lượng và phía Nhật Bản phát hành giấy chứng giám định đảm bảo hệ thống dây chuyền máy đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, các tiêu chuẩn quy định về bảo vệ môi trường và tiết kiệm điện năng của Nhật Bản.

- Công nghệ cắt : Các dây chuyền của công ty hiện nay đều là hệ thống dây chuyền có công nghệ cắt tiên tiến và hiện đại nhất thế giới và chưa có bất cứ công nghệ nào khác thay thế trong vòng 20 – 30 năm tới.

**Bảng số 12: Danh sách máy móc thiết bị chính**

STT	Tên máy móc thiết bị	Số lượng	Xuất xứ
1	Máy cắt thép lá	05	Nhật Bản
2	Máy cắt thép tấm	10	Nhật Bản
3	Dây chuyền máy xẻ	03	Nhật Bản
4	Cầu trục	04	Đức
5	Máy nắn phẳng	02	Nhật Bản
6	Máy nén khí	03	Nhật Bản
7	Máy đột dập	03	Nhật Bản
8	Máy chấn	02	Nhật Bản
9	Máy CNC	01	Mỹ
10	Máy vuốt cạnh	01	Nhật Bản
11	Máy La	01	Nhật Bản
12	Ụ nổi xếp dỡ hàng	01	Việt nam
13	Hệ thống điện lực	01	Việt Nam
14	Vật tư thiết bị Pa lăng	15	Trung Quốc

## **6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Trên cơ sở điều tra khảo sát thị trường và tìm hiểu nhu cầu khách hàng, Công ty đã và đang tiếp tục nghiên cứu tìm hiểu các nhu cầu mới của khách hàng, tìm hiểu và phát triển sản phẩm mới, áp dụng cải tiến kỹ thuật mới tiên tiến trong và ngoài nước. Tìm kiếm các nhu cầu khác nhau của từng khách hàng để có cách thức triển khai mới phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

## **6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm của ngành thép. Vì vậy, Công ty luôn luôn phải kiểm tra kỹ lưỡng chất lượng sản phẩm thép từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước (các nhà cung cấp đến từ các nước có nền công nghiệp thép hiện đại như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan...) trước khi đưa đến khách hàng tại Việt Nam. Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn đo lường chất lượng ISO 9001: 2000, Công ty được nhận giải thưởng Cúp vàng ISO 9001:2000.

Công ty thành lập bộ phận KCS (kiểm tra chất lượng) với chức năng và vai trò kiểm soát chất lượng nguyên liệu, hàng hóa từ khâu mua vào, xuyên suốt quá trình hoạt động sản xuất đến công đoạn thành phẩm hoàn thành và khi xuất bán ra giao cho khách hàng. Bộ phận KCS chịu trách nhiệm giải quyết toàn bộ khiếu nại liên quan đến chất lượng của sản phẩm từ khách hàng .

## **6.8 Hoạt động marketing**

Song song với việc sản xuất, Công ty cũng tiến hành các hoạt động nhằm quảng bá sản phẩm của mình tới các đối tượng khách hàng như treo các bảng hiệu, băng rôn, quảng cáo trên nhiều phương tiện... về Công ty và mặt hàng Công ty sản xuất gia công lẫn phân phối. Đối tượng tiếp thị của Công ty hiện nay tập trung chủ yếu vào các Doanh nghiệp sản xuất, các công ty lớn và uy tín. Ngoài ra, công ty cũng mở rộng sang các công ty chuyên kinh doanh mặt hàng xây dựng, các chủ đầu tư xây dựng các công trình lớn để cung cấp thép xây dựng, thép đúc cọc, lan can....

Bên cạnh đó, Công ty cũng xây dựng website (<http://melinsteel.vn/>) để giới thiệu và quảng bá các sản phẩm của công ty đến khách hàng, đồng thời có các chính sách hỗ trợ và gắn kết với các thành viên trong kênh phân phối nhằm giữ uy tín và hình ảnh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty cũng có các chính sách linh hoạt về giá cả, mặt hàng phù hợp với tình hình thực tế, hỗ trợ các khách hàng trong việc đưa hàng hóa đến người tiêu dùng, tích cực tìm kiếm thêm khách hàng bổ sung vào hệ thống phân phối của Công ty.

## **6.9 Nhận hiệu thương mại**

Logo và nhãn hiệu của Công ty cổ phần Thép Mê Lin đã được đăng ký bản quyền nhãn hiệu thương mại.

Biểu tượng trên được Công ty thống nhất dùng làm nhãn hiệu cho việc quảng bá hình ảnh Công ty, sử dụng trên các ấn phẩm giới thiệu các sản phẩm và dịch vụ Công ty tính đến thời điểm hiện tại.



**melinsteel**

**6.10 Các hợp đồng lớn đã và đang thực hiện**

**Bảng số 13: Các hợp đồng lớn đã và đang được thực hiện**

TT	Tên đơn vị	Thời gian thực hiện	Mặt hàng	Đơn vị	Giá trị VNĐ
<b>I</b>	<b>Bán trong nước</b>				129.866.183.811
1	Công ty cổ phần ECOLAND	2016	Thép thanh vằn các loại	Đồng	117.434.305.600
2	Công ty cổ phần Quốc tế Sao Việt	2017	Thép cuộn cán nóng	Đồng	2.126.628.211
3	Doanh nghiệp tư nhân Phương Nam	2017	Thép cuộn cán nóng	Đồng	2.575.000.000
4	Công ty TNHH Kiên Trung	2017	Thép Tấm	Đồng	4.488.000.000
5	Công ty TNHH Kiên Trung	2017	Thép Ống hộp	Đồng	3.242.250.000
<b>II</b>	<b>Xuất khẩu</b>				116.843.882.304
1	Xuất khẩu METZ sang Nhật Bản	2016-2017	Ferro	Đồng	116.843.882.304
	<b>Tổng cộng</b>				<b>246.710.066.115</b>

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

**7. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty**

**7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015 – 2016 và 6 tháng đầu năm 2017**

**Bảng số 14: Bảng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Công ty TNHH Thép Mê Lin	Công ty cổ phần Thép Mê Lin			
	01/01/2015 – 30/09/2015	01/10/2015 – 31/12/2015	Năm 2016	% tăng giảm 2016/2015 (2 giai đoạn 2015) *	01/01/2017 – 30/06/2017
Tổng giá trị tài	645.531.330.733	632.385.940.163	694.606.477.858	8,71%	655.928.666.997

sản					
Vốn chủ sở hữu	115.982.744.854	104.761.669.257	153.811.667.207	39,36%	166.951.937.107
Doanh thu thuần	731.246.592.096	326.083.587.415	1.065.001.804.534	0,73%	649.608.835.101
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	15.637.349.290	(11.435.747.550)	18.899.411.715	349,81%	13.541.835.090
Lợi nhuận khác	49.220.855.928	214.671.953	150.586.235	-99,70%	55.964.685
Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.858.205.218	(11.221.075.597)	19.049.997.950	-64,48%	13.597.799.775
Lợi nhuận kế toán sau thuế	64.858.205.218	(11.221.075.597)	19.049.997.950	-64,48%	13.140.269.900
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	77,62%%	-	14,73%	-	8,19%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 năm 2017 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

\* Công ty tạm tính tổng số liệu 2 giai đoạn trong năm 2015 để thuận tiện cho việc so sánh kết quả kinh doanh trong 2 năm 2015, 2016.

Lợi nhuận sau thuế 9 tháng năm 2015: 64.858.205.218 đồng nguyên nhân lợi nhuận sau thuế tăng đột biến là do công ty có doanh thu tài chính được chia (chốt đến thời điểm kết thúc giai đoạn trách nhiệm hữu hạn) từ hoạt động hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư xây dựng NHS khi thực hiện dự án Tám Trinh: 22.122.004.853 đồng và thu nhập khác từ việc đánh giá lại tài sản khi chuyển đổi từ công ty trách nhiệm hữu hạn sang công ty cổ phần: 48.109.662.507 đồng.

Lợi nhuận sau thuế 3 tháng cuối năm 2015: - 11.221.075.597 đồng là do giá bán thép tăng chưa mạnh, giá nhập thép vẫn còn cao và lợi nhuận gộp chỉ đạt gần 6 tỷ đồng chưa đủ bù đắp các chi phí hoạt động kinh doanh, ngoài ra tại ngày kết thúc năm 31/12/2016, công ty phải hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá gần 7 tỷ đồng nên lợi nhuận sau thuế giai đoạn này là con số âm.

Năm 2016, hoạt động gia công thép của công ty tăng trưởng, giá bán thép tăng nên lợi nhuận sau thuế năm 2016 đạt 19.049.997.950 đồng.

Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2017: 13.140.269.900 đồng, Lợi nhuận tăng là do công ty tăng trưởng doanh thu bán sản phẩm và giá bán thép trong 6 tháng đầu năm tiếp tục tăng so với năm trước, chi phí tài chính, chi phí bán hàng cũng giảm so với cùng kỳ năm trước.

## 7.2 Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016

### ✦ Những khó khăn cơ bản:

Kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2016 với nhiều khó khăn trước những biến động lớn của nền kinh tế toàn cầu. Kinh tế thế giới, đặc biệt tại các nước phát triển, ảm chứa

nhiều yếu tố bất định. Mặc dù đầu năm 2017, nền kinh tế đã có nhiều khởi sắc tuy nhiên vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ những biến động trong năm 2016. Điều này cũng làm hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là hoạt động xuất khẩu của Công ty cổ phần Thép Mê Lin gặp nhiều khó khăn.

Ngoài những tác động gián tiếp từ nền kinh tế thì việc tăng giá của các nguyên liệu như: dầu, than cốc và giá cước vận chuyển tại Việt Nam cũng làm tăng giá thành các sản phẩm mà Công ty sản xuất ra.

Mặt khác, các sản phẩm thép có xuất xứ từ Trung Quốc đang ồ ạt được nhập khẩu vào Việt Nam với giá thành thấp hơn so với các sản phẩm cùng loại sản xuất tại Việt Nam. Không những chỉ riêng Việt Nam mà các sản phẩm thép Trung Quốc có một thị trường rộng lớn trên khắp thế giới, lượng thép Trung Quốc sản xuất ra chiếm khoảng 47% lượng thép được sản xuất ra trên toàn cầu. Điều này làm sự cạnh tranh về giá thành các sản phẩm được sản xuất nội địa và sản phẩm được nhập khẩu từ Trung Quốc ngày một lớn.

#### ⚡ **Những thuận lợi cơ bản:**

Ngành thép là ngành công nghiệp nền tảng, sản xuất tư liệu sản xuất để đảm bảo đáp ứng nhu cầu đầu vào cho các ngành công nghiệp khác, thúc đẩy các ngành công nghiệp khác phát triển. Vì vậy, Chính phủ đã đưa ra rất nhiều chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thép ở nước ta. Trong đó phải kể đến chính sách ưu đãi thuế xuất nhập khẩu, biện pháp tự vệ chính thức đối với mặt hàng phôi thép và thép dài nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước/vùng lãnh thổ khác nhau....

Cùng với các chính sách ưu đãi riêng với ngành thép, Chính phủ cũng đưa ra các biện pháp vĩ mô nhằm ổn định nền kinh tế, bình ổn tỷ giá, kiềm chế lạm phát ... nhằm giảm bớt những ảnh hưởng tiêu cực từ nền kinh tế tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp Việt Nam trong đó có Công ty cổ phần Thép Mê Lin.

Được thành lập từ năm 2003, trải qua quá trình hình thành phát triển và chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần. Công ty cổ phần Thép Mê Lin đã có được một chỗ đứng nhất định trong ngành thép Việt Nam và nhận được sự tin tưởng từ các đối tác và khách hàng lâu năm. Ngoài ra, trải qua 15 năm hoạt động bộ máy lãnh đạo của Công ty vẫn luôn duy ổn định với những nhân sự có kinh nghiệm và nhiệt huyết trong lĩnh vực Thép.

Với những thuận lợi nêu trên Công ty cổ phần Thép Mê Lin tin tưởng sẽ có thể vượt qua được giai đoạn khó khăn chung của nền kinh tế và ngày một phát triển.

## **8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **8.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty cổ phần Thép Mê Lin có nhà máy tại KCN Quang Minh - Mê Linh - Hà Nội trên diện tích 30.016 m<sup>2</sup>, đây là một trong những KCN trọng điểm của khu vực, được đầu tư tập trung, đồng bộ và có nhiều doanh nghiệp sản xuất hàng cơ khí chế tạo. Bên cạnh đó KCN Quang Minh nằm trên trục đường cao tốc Bắc Thăng Long - Nội Bài, nằm trong khu vực có nhiều KCN như KCN Nội Bài, KCN Thăng Long – Canon, KCN Khai Quang, KCN Bình Xuyên, KCN Tiên Sơn, KCN Yên Phong, KCN Từ Sơn, KCN



Quế Võ, KCN Thuận Thành, KCN Đình Trám, KCN Sông Công... đây là những KCN có nhiều DN sản xuất hàng công nghiệp nặng, cơ khí và nhiều nhà máy sản xuất xe ô tô, xe máy như Toyota, Honda, ô tô, Yamaha,... giáp Thủ đô Hà Nội là một thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra rất lớn, cách Cảng Hải Phòng khoảng 150 km - cảng đường biển lớn nhất miền Bắc - rất thuận lợi cho việc vận chuyển hàng xuất nhập khẩu, nằm trên trục đường giao thông chính đi các tỉnh Phía Bắc, nằm trong khu vực kinh tế trọng điểm của Miền Bắc.

Công ty thực hiện gia công và kinh doanh các loại thép phục vụ cho ngành công nghiệp cơ khí, chế tạo như thép tấm, thép mạ, thép cuộn cán nóng và cán nguội, thép cán nóng dạng thanh tròn, thép xây dựng, Ferro ...phù hợp với đăng ký kinh doanh cũng như phương án vay vốn. Nhà máy sản xuất tại KCN Quang Minh - Mê linh - Hà Nội được lập ra ban đầu với mục tiêu trở thành trung tâm cắt xẻ thép lớn nhất tại khu vực phía Bắc, phục vụ chủ yếu cho ngành công nghiệp ô tô, xe máy và công nghiệp dân dụng, điện tử, điện lạnh, đóng tàu, chi tiết máy...Tuy nhiên, ban lãnh đạo Công ty đã từng bước chuyển đổi sang cả kinh doanh thương mại, mở rộng mặt hàng để tăng thêm doanh thu, phù hợp các nhu cầu khách hàng.

✚ **Thế mạnh của công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành:**

- **Tài chính:** Công ty luôn được sự ủng hộ lớn từ các tổ chức tài chính như: ngân hàng Vietcombank, Nông nghiệp đã cung cấp tín dụng tài trợ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty luôn thông suốt.
- **Nhà máy, kho bãi:** Vị trí địa lý của nhà máy và kho bãi ở các địa điểm có hạ tầng giao thông, cảng, bến bãi rất thuận tiện cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của công ty.
- **Ban tổng giám đốc:** Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thép đã tạo dựng cho Công ty những đối tác cung cấp và mua hàng lớn, tin cậy trong và ngoài nước.
- **Công tác thị trường:** Với quy mô thị trường và bạn hàng trong và ngoài nước như hiện nay đã đảm bảo công suất sản xuất của công ty cũng như hoạt động kinh doanh luôn ổn định.
- **Đầu tư:** Công ty có chiến lược đầu tư vào các dự án sản xuất thép quy mô lớn tạo điều kiện mở rộng hơn nữa quy mô hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng đã tham gia đầu tư các dự án trong lĩnh vực bất động sản đã đem lại nguồn lợi thu được từ hoạt động đầu tư này.

## **8.2 *Triển vọng phát triển ngành***

Thị trường bất động sản hồi phục, sự gia tăng các dự án xây dựng hạ tầng và nhiều chính sách hỗ trợ là những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng của ngành thép. Tuy nhiên, theo đánh giá của các chuyên gia, việc cân đối cung - cầu, bảo đảm nguồn cung các sản phẩm đang thiếu hụt trên thị trường trong nước cũng như thế giới mới là giải pháp phát triển bền vững của ngành này.

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) - cho biết, năm 2016, ngành thép trong nước đón nhận nhiều tin vui: Tổng các loại sản phẩm thép sản xuất đạt 17,5 triệu tấn, tăng 16,8%

so với năm 2015, trong đó, tổng sản lượng tiêu thụ thép các loại trong nước đạt hơn 15,3 triệu tấn, tăng 23,7% so với năm 2015. Đây cũng là năm các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh ngành thép có mức lãi suất đột biến như: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát, Tập đoàn Hoa Sen có lãi ròng tăng trưởng gấp đôi năm 2015 và lập kỷ lục cao nhất từ trước đến nay; Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại SMC, Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên, Công ty Cổ phần Thép Việt Ý từ lỗ năm trước đó đến lãi đậm năm 2016 và xóa lỗ lũy kế; Công ty Cổ phần Thép Pomina cho đến cuối năm 2015 vẫn còn lỗ lũy kế hơn 200 tỷ đồng, đã bù hết lỗ và còn tích lũy 89,4 tỷ đồng lợi nhuận.

Ngoài ra VSA dự báo, trong 5 năm tới, ngành thép sẽ tiếp tục tăng trưởng ở mức xấp xỉ 12- 15%. Năm 2017, dự kiến sản lượng gang tăng 80%, đạt 4,5 triệu tấn; sản lượng phôi thép tăng 47.2%, lên mức 11,5 triệu tấn; sản lượng thép thành phẩm tăng 12% lên gần 20 triệu tấn, sản lượng thép xây dựng tăng 11%, thép lá cuộn cán nguội tăng 13%, thép ống hàn tăng 15% và tôn mạ và sơn phủ màu tăng 12%.

Trong dài hạn, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng tiếp tục là các yếu tố thúc đẩy nhu cầu sử dụng thép. Tốc độ đô thị hóa trung bình hàng năm của Việt Nam trong 10 năm qua vào khoảng 3,4%. Ước tính trong 10 năm tới vào khoảng 3%. Theo kế hoạch, tỷ lệ đô thị hóa có thể đạt 50% vào năm 2025. Như vậy có thể thấy tiềm năng rất lớn cho Công ty về thị trường vật liệu xây dựng.

### 8.3 Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành

**Bảng số 15: So sánh tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh với các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Đơn vị cùng ngành	Mã cổ phiếu	Sàn niêm yết	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA	ROE
1	CTCP Thép Mê Lin	MEL	HNX	150	153	694	1.065	19	2,87%	14,73%
2	CTCP Thép DANA - Ý	DNY	HNX	270	348	2.321	1.986	18	0,75%	5,1%
3	CTCP Ống Thép Việt - Đức	VGS	HNX	376	583	1.520	4550	81,5	6,25%	14,63%
4	CTCP Đại Thiên Lộc	DTL	HOSE	614	910	2.487	2.885	160	6,53%	19,26%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty CP thép Mê Lin và các đơn vị đã niêm yết trên sàn giao dịch Chứng khoán)

### 8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Định hướng phát triển của Công ty:

- Với định hướng Trong thời gian tới Công ty sẽ thực hiện các công việc chính sau đây: Tập trung vào sản xuất, gia công cắt xẻ thép đáp ứng đa dạng các nhu cầu của các công ty sản xuất. Đầu tư mua sắm thêm máy móc, thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đẩy mạnh hoạt động marketing quảng bá sản phẩm cũng như thương hiệu của Công ty.
- Đẩy mạnh việc xuất khẩu hàng hóa sang các nước như Nhật Bản, Bangladesh...
- Đồng thời, Công ty cũng tập chung khai thác và mở rộng các mặt hàng thép đến các khách hàng nước ngoài cũng như các khách hàng tỉnh ở xa như: Lào Cai, Sơn La, Lai Châu, Thanh Hóa, Quảng Bình...
- Tiếp tục giữ quan hệ tốt với các đối tác, khách hàng của Công ty, đồng thời mở rộng đối tượng khách hàng, hướng đến các công trình xây dựng lớn để liên kết, cung cấp vật liệu xây dựng.

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Chất lượng nguồn nhân lực

Các phòng ban tác nghiệp của Công ty được thành lập đầy đủ, số lượng lao động của Công ty đến 31/12/2016 là 111 người với trình độ đã được đào tạo đủ đáp ứng tốt yêu cầu của công việc.

**Bảng số 16: Cơ cấu lao động của Công ty tại ngày 31/12/2016**

<b>Cơ cấu lao động</b>	<b>Số người</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>	<b>111</b>	<b>100</b>
Đại học và trên đại học	33	29,73%
Cao đẳng	12	10,81%
Trung cấp	18	16,22%
Công nhân kỹ thuật	27	24,32%
Lao động phổ thông	21	18,92%
<b>Phân loại theo giới tính</b>	<b>111</b>	<b>100</b>
Nam	84	75,68%
Nữ	27	24,32%

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

### 9.2 Chính sách đối với người lao động:

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức

kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành

Công ty có thêm các chính sách ưu đãi đối với người lao động như:

- Có nhà ở cho 100% CB-CNV có nhu cầu, miễn phí chỗ ở, sử dụng điện nước.
- Có nhà ăn cho CB-CNV (ăn 3 bữa, trong đó có 02 bữa miễn phí: bao gồm 01 bữa chính, bữa sáng, bữa tối được hỗ trợ 1/2).
- Có xe đưa đón CB - CNV từ Hà Nội đến Công ty và ngược lại

**Bảng số 17: Mức lương bình quân của người lao động năm 2016  
và dự kiến năm 2017**

Năm	2016	2017
Lao động bình quân (người)	111	111
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.500.000	8.000.000

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

## 10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Thép Mê Lin quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận giữ lại phần đầu ít nhất phải bằng lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn của ngân hàng thương mại với thời hạn 12 tháng.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần từ ngày 02/10/2015 Năm 2015, Công ty không thực hiện chia cổ tức là do lợi nhuận sau thuế âm. Năm 2016, Công ty không thực chia cổ tức do mới chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần nên Công ty quyết định giữ lại lợi nhuận để đầu tư kinh doanh. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 25/04/2017 tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến năm 2017 là 8%; phần đầu các năm tiếp theo duy trì mức chi trả cao hơn lãi suất tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng và tăng đều hằng năm.

## 11. Các chỉ tiêu tài chính

### 11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### 11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Trường hợp thời gian trích khấu hao hay nguyên giá của tài sản cố định thay đổi, doanh nghiệp phải xác định lại mức trích khấu hao trung bình của tài sản cố định bằng cách lấy giá trị còn lại trên sổ kế toán chia cho thời gian trích khấu hao xác định lại hoặc thời gian trích khấu hao còn lại (được xác định là chênh lệch giữa thời gian trích khấu hao đã đăng ký trừ thời gian đã trích khấu hao) của tài sản cố định.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	:	10 – 28 năm
Máy móc thiết bị	:	01 – 15 năm

Phương tiện vận tải	:	02 – 10 năm
Thiết bị quản lý	:	01 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	:	28 năm
Phần mềm kế toán	:	01 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

#### 11.1.2 Mức lương bình quân :

- Lương bình quân năm 2015 của nhân viên trong công ty : 6.500.000 đồng/người
- Lương bình quân năm 2016 của nhân viên trong công ty : 7.500.000 đồng/ người
- Lương bình quân 6 tháng năm 2017 của nhân viên trong công ty : 8.000.000 đồng/ người.
- Công ty luôn đảm bảo trả đúng hạn và đầy đủ cho cán bộ công nhân viên. Mức lương bình quân này được đánh giá là cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

#### 11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện nay không có khoản nợ quá hạn nào, các khoản nợ phải trả ngắn và trung hạn đều được Công ty thanh toán đúng hạn

#### 11.1.4 Các khoản phải nộp theo quy định

Công ty luôn nộp đầy đủ và nghiêm túc các khoản thuế theo quy định của Nhà nước. Số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty như sau:

**Bảng số 18: Các khoản còn phải nộp Ngân sách đến ngày 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017**

DVT: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.500.000	-
<b>Tổng cộng</b>	-	<b>1.500.000</b>	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016, BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Khi công ty thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần, công ty đã được Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành kiểm tra thuế để xác định nghĩa vụ thuế chuyển sang công ty cổ phần kế thừa và thực hiện. Tại Biên bản kiểm tra thuế ngày 11/01/2016 của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc có xác định số lỗ tiếp tục được chuyển từ các năm trước là 19.110.116.529 đồng. Đây là khoản lỗ phát sinh trong năm 2013. Trong quý IV/2015 công ty tiếp tục lỗ 11.440.149.882 đồng. Tổng số lỗ được chuyển cho các năm tiếp theo là 30.550.266.411 đồng và thời hạn chuyển lỗ không quá 5 năm. Trong năm 2016, thu nhập chịu thuế của công ty là 19.136.563.236 đồng và công ty được chuyển lỗ 19.136.563.236 đồng theo quy định nên chưa phát sinh phải nộp thuế TNDN. Trong 6 tháng đầu năm 2017 công ty có lãi và phải nộp thuế TNDN là 457.529.875 đồng. Công ty đã nộp đầy đủ số thuế này trước ngày 30/06/2017 nên tại ngày 30/06/2017 công ty không có khoản thuế TNDN phải nộp.

#### 11.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến 31/12/2016 là 3.811.667.207 đồng. Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 25/04/2017 đã thông qua việc không trích lập các quỹ để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh của công ty.

#### 11.1.6 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm, 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017 có số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

**Bảng số 19: Cơ cấu nợ vay của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Vay và nợ ngắn hạn	377.540.312.829	439.285.053.617	382.754.480.373
Vay và nợ dài hạn	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>377.540.312.829</b>	<b>439.285.053.617</b>	<b>382.754.480.373</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Vay ngắn hạn ngân hàng: Tính đến 30/06/2017 tổng vay ngắn hạn ngân hàng của công ty là 382.754.480.373 đồng. Trong đó :

+ Vay ngắn hạn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh Mỹ Đình theo hợp đồng hạn mức số 1410-LAV-201600616 ký ngày 24/10/2016 với hạn mức tối đa 250.000.000.000 đồng. Tính đến 30/06/2017 công ty còn dư nợ vay: 178.716.936.700 đồng. Khoản vay này đang nằm trong hạn.

+ Vay ngắn hạn ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng hạn mức số 01/2016/VCB.TX-ML ký ngày 03/03/2016 với hạn mức tối đa 250.000.000.000 đồng. Tính đến 30/06/2017 công ty còn dư nợ vay: 204.037.543.673 đồng. Khoản vay này đang nằm trong hạn.

Tất cả vốn vay được công ty đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh nâng cao năng suất và chất lượng trong hoạt động kinh doanh.

#### 11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Tình hình các khoản Công nợ phải thu của Công ty qua các năm như sau:

**Bảng số 20: Các khoản phải thu của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>153.841.133.433</b>	<b>237.150.043.134</b>	<b>283.727.604.004</b>
Phải thu của khách hàng	98.754.516.294	142.914.063.288	183.265.873.711
Trả trước cho người bán	13.880.873.314	19.492.354.850	14.948.564.967
Các khoản phải thu khác	41.205.743.825	74.743.624.996	85.513.165.326
<b>Phải thu dài hạn</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.841.133.433</b>	<b>237.150.043.134</b>	<b>283.727.604.004</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Giá trị các khoản phải thu tại ngày 31/12/2016 là 237 tỷ tăng 54% so với năm 2015. Nguyên nhân các khoản phải thu trong năm 2016 tăng hơn 2015 là do trong năm 2016 công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh và phát sinh một số hợp đồng lớn cuối năm 2016 nên thời hạn thanh toán kéo dài sang năm 2017 dẫn tới khoản phải thu khách hàng tăng cao. Bên cạnh đó trong năm 2016 công ty có chuyển tiền hợp tác đầu tư với công ty CP Đầu tư xây dựng NHS là 27,993 tỷ và Công ty Cổ phần Kim Khí Việt là 30 tỷ làm cho các khoản phải thu khác trong năm 2016 tăng cao hơn năm 2015. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng có phát sinh lớn được tổng hợp như sau:

**Bảng số 21: Chi tiết các khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2016 và 30/06/2017**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên khách hàng	Dư nợ tại 31/12/2016	Dư nợ tại 30/06/2017
1	Công ty TNHH Kiên Trung	44.039.316	1.027.670
2	Công ty CP Thép Thăng Long	58.515.578.432	74.765.299.288
3	Công ty TNHH Thép Việt Long	24.166.280.061	-
4	Công ty cổ phần ECOLAND	-	10.722.797.694
5	Công ty cổ phần Đầu tư và thương mại tổng hợp Quang Minh	-	8.037.471.930
6	Công ty cổ phần Thái Bình Dương – Đà Nẵng	-	25.629.050.674
7	Công ty Cổ phần Kim Khí Việt	-	2.700.106.750
7	Phải thu các khách hàng khác	60.188.165.479	61.410.119.705
	<b>Tổng cộng</b>	<b>142.914.063.288</b>	<b>183.265.873.711</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Đến 30/06/2017, khoản phải thu khách hàng là 183 tỷ đồng. Các công ty trên là các đối tác có giao dịch mua bán thường xuyên với công ty, luôn thực hiện tốt thời hạn thanh toán theo hợp đồng. Trong số các khách hàng có dư nợ lớn thì Công ty CP Thép Thăng Long là đối tác lớn, uy tín của công ty. Số dư công nợ của công ty CP Thép Thăng Long chiếm tỷ trọng lớn (40% phải thu khách hàng tại ngày 30/6/2017) nhưng công ty nợ tại ngày 31/12/2016 đã được thanh toán hết, công nợ tại ngày 30/06/2017 là 74 tỷ đồng chưa đến thời hạn thanh toán.

**Bảng số 22: Các khoản phải trả tại thời điểm 31/12/2015, 31/12/2016 và 30/06/2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>527.624.270.906</b>	<b>540.794.810.651</b>	<b>488.976.729.890</b>
Vay và nợ ngắn hạn	377.540.312.829	439.285.053.617	382.754.480.373
Phải trả cho người bán	116.004.052.957	87.048.202.995	95.553.777.275

Người mua trả tiền trước	34.028.166.646	13.531.736.772	9.830.068.462
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	-	1.500.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	51.738.474	28.435.600	-
Phải trả người lao động	-	-	542.306.172
Chi phí phải trả	-	899.881.667	296.097.608
<b>II. Nợ dài hạn</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>527.624.270.906</b>	<b>540.794.810.651</b>	<b>488.976.729.890</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Các khoản phải trả của công ty tại 31/12/2016 là 540 tỷ đồng chủ yếu ở khoản vay và nợ ngắn hạn ngân hàng. Do cuối năm công ty tăng dư vay để mua hàng phục vụ nhu cầu hàng hóa bán trong đầu năm 2017. Tính đến 30/06/2017, khoản vay và nợ ngắn hạn là 382 tỷ chiếm 78,4% các khoản phải trả, công nợ phải trả người bán 93 tỷ chiếm 19% các khoản phải trả, người mua trả tiền trước 9,9 tỷ chiếm 2% các khoản phải trả. Nhìn chung các khoản phải trả của công ty vẫn ổn định là do các nhà cung cấp nước ngoài đồng ý cho công ty thực hiện thanh toán bằng L/C trả chậm từ 4 đến 6 tháng đảm bảo nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### 11.1.8 Hàng tồn kho

**Bảng số 23: Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>333.112.935.929</b>	<b>309.867.415.709</b>	<b>255.627.924.097</b>
Nguyên liệu, vật liệu	287.211.865.823	234.711.296.070	213.694.523.818
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.563.324.603	11.933.914.167	4.029.451.521
Thành phẩm	44.337.745.503	18.358.568.152	16.600.152.418
Hàng hóa	-	44.863.637.320	21.303.796.340

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty)

Do đặc trưng trong lĩnh vực kinh doanh thép là quy mô sản lượng, giá trị rất lớn và phải đặt hàng nhà cung cấp nước ngoài sản xuất thời gian để nhập hàng về kho từ 3 đến 4 tháng chính vì vậy để đảm bảo luôn có hàng bán cho khách Công ty phải trữ kho. Hơn nữa công ty cung cấp sản phẩm thép cho nhiều đối tượng khách hàng với nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau như dự án xây dựng, sản xuất, đóng tàu... nên sản phẩm của chúng tôi phải rất đa dạng để đáp ứng nhu cầu khách hàng nên trữ lượng hàng tồn kho phải đa dạng và lớn. Đặc thù sản phẩm thép là những cuộn lớn hoặc dài nên không thể bị mất mát, hao hụt đồng thời trong năm 2016 và 6 tháng đầu năm 2017 giá thép vẫn tiếp tục tăng đã làm giá trị bán hàng tồn kho tại thời điểm cuối kỳ không thấp hơn giá trị sổ sách nên công ty không thực hiện trích lập dự phòng.



## 11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng số 24: Chỉ tiêu tài chính**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015		Năm 2016
		Giai đoạn 01/01/2015- 30/09/2015	Giai đoạn 01/10/2015- 31/12/2015	
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,01	0,99	1,09
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	Lần	0,25	0,36	0,52
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,03	83,43	77,86
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	456,58	503,64	351,60
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho	Vòng	2,12	0,88	3,10
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,24	0,51	1,61
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,87	-3,44	1,79
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	77,62	-10,16	14,73
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	11,03	-1,76	2,87
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,14	-3,51	1,77

(Nguồn: BCTC kiểm toán giai đoạn từ 01/01/2015 – 30/09/2015 của Công ty TNHH Thép Mê Lin, BCTC kiểm toán giai đoạn 01/10/2015 – 31/12/2015, BCTC kiểm toán năm 2016 của Công ty cổ phần Thép Mê Lin CTCP Thép Mê Lin)

## 12. Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban giám đốc và kế toán trưởng

### 12.1 Danh sách

#### 12.1.1 Danh sách Hội đồng quản trị

**Bảng số 25: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Lê Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	TV Điều hành
2	Ông Phạm Quang	Thành viên HĐQT	TV Điều hành
3	Ông Lê Hồng Minh	Thành viên HĐQT	TV Không điều hành
4	Ông Nguyễn Tiến Nghĩa	Thành viên HĐQT	TV Không điều hành
5	Bà Nguyễn Vân Anh	Thành viên HĐQT	TV Không điều hành

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

12.1.2 Danh sách Ban Kiểm soát

**Bảng số 26: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Ma Thị Bích Thủy	Trưởng ban BKS	
2	Ông Lê Minh Hải	Thành viên BKS	
3	Ông Chu Đức Khương	Thành viên BKS	

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

12.1.3 Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

**Bảng số 27: Danh sách Ban Giám đốc**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Quang	Giám đốc	
2	Bà Lê Thị Hương Giang	Phó Giám đốc	
3	Bà Đỗ Thị Kiệm	Kế toán trưởng	

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

12.2 Sơ yếu lý lịch

12.2.1 Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

**HỌ TÊN: LÊ THỊ HƯƠNG GIANG**

- Số CMND : 011398097 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 29/07/2002
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 17/12/1968
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thái Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 74 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

- Quá trình Công tác

Từ tháng 09/1992 đến tháng 02/1997 : Nhân viên Phiên dịch Công ty Cơ khí Lâm Nghiệp

Từ tháng 04/1997 đến tháng 12/2008 : Trưởng phòng bán hàng Văn phòng đại diện Công ty Nippon Steel Trading tại Hà Nội

Từ tháng 01/2003 đến tháng 05/2005 : Thành viên trong Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 06/2005 đến tháng 09/2015 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 01/2010 đến nay : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Kim Khí Việt

Từ tháng 10/2015 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị - Phó giám Công ty Cổ phần Thép Mê Lin

- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT – Phó giám đốc Công ty cổ phần tại Công ty Thép Mê Lin

- Chức vụ ở tổ chức khác : Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Kim Khí Việt

- Số cổ phần nắm giữ: : 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó:

+ Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

+ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó: Con trai: Lê Hồng Minh sở hữu 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

- Các khoản nợ đối với Công ty : Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**HỌ TÊN: PHẠM QUANG**

- Số CMND : 011499991 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 11/03/2003

- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 07/10/1970

- Quốc tịch : Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 315 Hoàng Hoa Thám, phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư luyện kim
- Quá trình Công tác

Từ tháng 01/1994 đến tháng 09/2001 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Đông Á

Từ tháng 11/2001 đến tháng 09/2005 : Nhân viên bán hàng Văn phòng Đại diện – Công ty Nippon Steel Trading tại Hà Nội

Từ tháng 01/2003 đến tháng 06/2007 : Phó Giám đốc Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 07/2007 đến tháng 09/2015 : Giám đốc Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 10/2015 đến nay : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần Thép Mê Lin

- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty cổ phần tại Công ty Thép Mê Lin
- Chức vụ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ : 818.000 cổ phần, chiếm 5,45% số cổ phiếu đang

Trong đó: lưu hành của Công ty

+ Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 818.000 cổ phần, chiếm 5,45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

+ Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần

- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 100 cổ phần, chiếm 0,0007% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Trong đó: Vợ Lê Thanh Hà sở hữu 100 cổ phần, chiếm 0,0007% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### HỌ TÊN: LÊ HỒNG MINH

- Số CMND : 013176086 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 30/03/2009
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 09/11/1995
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú : Số 74 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế Chính trị
- Quá trình Công tác

*Từ tháng 11/2013 đến tháng 09/2015* : Thành viên trong Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Mê Lin

: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thép Mê Lin

*Từ tháng 10/2015 đến nay*

- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tại Công ty Thép Mê Lin
- Chức vụ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang

Trong đó:

+ *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* : 1.500.000 cổ phần, chiếm 10% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

+ *Số lượng cổ phần đại diện sở hữu* : 0 cổ phần

- Số lượng cổ phần của người có liên quan : 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó: Mẹ Lê Thị Hương Giang sở hữu 6.750.000 cổ phần, chiếm 45% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

### **HỌ TÊN: NGUYỄN TIẾN NGHĨA**

- Số CMND : 001069001666 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 03/09/2014
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/09/ 1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Quê quán : Hà Nội
  - Địa chỉ thường trú : Số 52 Tổ 10 - Phường Trung Hòa, Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Quá trình Công tác
- Từ 1992 đến 2002 : Nhân viên Công ty Dệt 8/3*
- Từ 2003 đến 2007 : Trưởng phòng HCNS Công ty May XK Vit Garmen*
- Từ 2008 đến 2012 : Trưởng phòng HCNS Công ty TNHH Thép Mê Lin*
- Từ 2013 đến 2015 : Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Thép Thăng Long*
- Từ 2016 đến T3/2017 : Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Kim Khí Việt*
- Từ T10/2015 đến nay : Thành viên HĐQT - Trưởng phòng HCNS Công ty Cổ phần Thép Mê Lin*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT - Trưởng phòng HCNS Công ty Cổ phần Thép Mê Lin
  - Chức vụ ở tổ chức khác : Không
  - Số cổ phần nắm giữ: : 1.400 cổ phần, chiếm 0,009% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.400 cổ phần, chiếm 0,009% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
  - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 0 cổ phần
  - Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**HỌ TÊN: NGUYỄN VĂN ANH**

- Số CMND : 012114972 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 06/8/1998
- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 11/6/1982
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 95 Phường Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình Công tác

*Từ tháng 04/2005 đến tháng 09/2005 : Nhân viên KCS Công ty TNHH Thép Mê Lin*

*Từ tháng 10/2005 đến tháng 06/2007 : Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Thép Mê Lin*

*Từ tháng 07/2007 đến tháng 09/2015 : Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty TNHH Thép Mê Lin*

*Từ tháng 10/2015 đến nay : Thành viên HĐQT - Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thép Mê Lin*

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT - Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Thép Mê Lin
- Chức vụ tại tổ chức khác : Không

- Số cổ phần nắm giữ: : 2.000 cổ phần, chiếm 0,013% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó:

- + *Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu* : 2.000 cổ phần, chiếm 0,013% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- + *Số lượng cổ phần đại diện sở hữu* : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.2.2 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

**HỌ TÊN: MA THỊ BÍCH THỦY**

- Số CMND : 131572701 ngày cấp: 09/05/2000  
nơi cấp: CA Phú Thọ

- Giới tính : Nữ
  - Ngày tháng năm sinh : 30/06/1983
  - Quốc tịch : Việt Nam
  - Dân tộc : Kinh
  - Quê quán : Văn Lung – Phú Thọ
  - Địa chỉ thường trú : Thị trấn Phong châu
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
  - Quá trình Công tác
  - Từ năm 2005 đến năm 2013* : *Nhân viên phòng kinh doanh Công ty TNHH Thép Mê Lin*
  - Từ năm 2013 đến năm T10/2015* : *Phó Phòng kinh doanh Công ty TNHH Thép Mê Lin*
  - Từ T10/2015 đến nay* : *Trưởng Ban kiểm soát - Phó Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
  - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Trưởng Ban kiểm soát - Phó Phòng kinh doanh Công ty cổ phần Thép Mê Lin
  - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không
  - Số cổ phần nắm giữ: : 1.500 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.500 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
  - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : Không
  - Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**HỌ TÊN: LÊ MINH HẢI**

- Số CMND : 111537371 ngày cấp: 03/05/1998  
Nơi cấp: CA Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/08/1980
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh



- Quê quán : Phú Xuyên Hà Tây
  - Địa chỉ thường trú : Thị trấn Phú Minh – Phú Xuyên – Hà Tây
  - Trình độ văn hóa : 12/12
  - Trình độ chuyên môn : Đại học Bách Khoa
  - Quá trình Công tác
  - Từ năm 2003 đến năm 2013* : *Tổ trưởng tổ vận hành Công ty TNHH Thép Mê Lin*
  - Từ năm 2013 đến T10/2015* : *Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty TNHH Thép Mê Lin*
  - Từ T10/2015 đến nay* : *Thành viên BKS - Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty cổ phần Thép Mê Lin*
  - Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty : Thành viên BKS - Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty cổ phần Thép Mê Lin
  - Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
  - Số cổ phần nắm giữ: : 2.100 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
- Trong đó:
- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 2.100 cổ phần, chiếm 0,014% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
  - + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : không
  - Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
  - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
  - Các khoản nợ đối với Công ty : Không
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

**HỌ TÊN: CHU ĐỨC KHƯƠNG**

- Số CMND : 011941041 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 08/04/1996
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1965
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số 107/528 Ngô Gia Tự, Quận Long Biên, Thành Phố Hà Nội



- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình Công tác

Từ tháng 01/1991 đến tháng 02/2000 : Công nhân Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 03/2000 đến tháng 05/2000 : Kỹ sư cầu Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 06/2000 đến tháng 09/2006 : Đội phó, kỹ sư cầu Công ty Cầu 5 Thăng Long

Từ tháng 07/2008 đến tháng 12/2012 : Trưởng phòng Quản lý sản xuất Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 01/2013 đến tháng 09/2015 : Trưởng phòng Kỹ thuật Cơ Điện Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 10/2015 đến nay : Thành viên BKS - Giám sát xây dựng Công ty Cổ phần Thép Mê Lin

- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên BKS - Giám sát xây dựng Công ty Cổ phần Thép Mê Lin
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 1.575 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó:

- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.575 cổ phần, chiếm 0,01% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

12.2.3 Sơ yếu lý lịch Ban Giám đốc

**HỌ TÊN: LÊ THỊ HƯƠNG GIANG**

**Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên HĐQT**

**HỌ TÊN: PHẠM QUANG**

**Đã nêu trong phần Lý lịch Thành viên HĐQT**

**HỌ TÊN: ĐỖ THỊ KIỆM**

- Số CMND : 010321284 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 16/03/2005
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 11/5/1959
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Ngách 137 Ngõ Quỳnh-Thanh Nhân-Hai Bà Trưng-Hà Nội
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Quá trình Công tác

Từ 1981 đến 1995 : Nhân viên Tổng công ty cơ khí Lâm Nghiệp  
Từ 1995 đến 2006 : Kế toán trưởng Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam

Từ 2006 đến 2009 : Trưởng phòng kiểm toán Tổng công ty Lâm Nghiệp Việt Nam

Từ 2009 – tháng 10/2010 : Kế toán trưởng Công ty TNHH Thép Mê Lin

Từ tháng 10/2015 đến nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Mê Lin

- Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần Thép Mê Lin tại Công ty
- Chức vụ ở tổ chức khác : Không
- Số cổ phần nắm giữ: : 1.800 cổ phần, chiếm 0,012% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty

Trong đó:

- + Số lượng cổ phần cá nhân sở hữu : 1.800 cổ phần, chiếm 0,012% số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty
- + Số lượng cổ phần đại diện sở hữu : 00 cổ phần
- Số lượng cổ phần của người có liên quan : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không

13. Tài sản

**Bảng số 28: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2016**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2016		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản hữu hình</b>	<b>140.290.406.828</b>	<b>90.626.422.537</b>	<b>64,60%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	77.799.638.096	58.419.617.450	75,09%
2	Máy móc thiết bị	47.916.008.568	24.109.203.870	50,32%
3	Phương tiện vận tải	13.911.776.491	7.858.583.716	56,49%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	662.983.673	239.017.501	36,05%
<b>II</b>	<b>Tài sản vô hình</b>	<b>5.030.401.822</b>	<b>4.087.812.001</b>	<b>81,26%</b>
1	Quyền sử dụng đất (*)	3.199.757.575	2.614.667.754	81,71%
2	Phần mềm kế toán, thiết kế	357.500.000	-	-
3	Tài sản khác	1.473.144.247	1.473.144.247	100,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>145.320.808.650</b>	<b>94.714.234.538</b>	<b>65,18%</b>

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Thép Mê Lin)

**Bảng số 29: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại ngày 30/06/2017**

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2017		
		Nguyên giá	GTCL	GTCL/ Nguyên giá
<b>I</b>	<b>Tài sản hữu hình</b>	<b>145.984.054.423</b>	<b>89.661.818.983</b>	<b>61,42%</b>
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	82.510.913.873	61.407.356.275	74,42%
2	Máy móc thiết bị	48.651.626.750	21.340.727.387	43,86%
3	Phương tiện vận tải	14.057.231.036	6.645.237.757	47,27%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	764.282.764	268.497.564	35,13%
<b>II</b>	<b>Tài sản vô hình</b>	<b>5.030.401.822</b>	<b>4.038.939.709</b>	<b>80,29%</b>
1	Quyền sử dụng đất (*)	3.199.757.575	2.565.795.462	80,19%
2	Phần mềm kế toán, thiết kế	357.500.000	-	-
3	Tài sản khác	1.473.144.247	1.473.144.247	100,00%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>151.014.456.245</b>	<b>93.700.758.692</b>	<b>62,05%</b>

(Nguồn: BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Thép Mê Lin)

**Bảng số 30: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	31/12/2016	30/06/2017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.614.566.941	3.154.241.230	16.600.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Thép Mê Lin)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là các hạng mục công trình nâng cấp nhà xưởng sản xuất, nhà máy của Công ty.

**14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**

**Bảng số 31: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
		Giá trị	% tăng/giảm so năm 2016	Giá trị	% tăng/giảm so năm 2017
1	Vốn điều lệ	150.000.000.000	0%	150.000.000.000	0%
2	Doanh thu thuần	1.200.000.000.000	12,67%	1.400.000.000.000	16,67%
3	Lợi nhuận sau thuế	22.000.000.000	15,49%	25.600.000.000	16,36%
4	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,83%	-	1,83%	-
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	14,67%	-	17%	-
6	Tỷ lệ cổ tức (%)	8%	-	8%	-

*(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, Ban Giám đốc Công ty thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018)*

**✚** Căn cứ để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận nói trên:

- Căn cứ tình hình quốc tế: Hiện nay Trung Quốc đã cắt giảm sản lượng thép do rất nhiều nguyên nhân trong đó có ô nhiễm môi trường. Thép của Trung Quốc chiếm 60% thị phần toàn thế giới. Khi sản lượng thép của Trung Quốc cắt giảm đã làm giá thép trên thế giới không ngừng tăng từ cuối 2016 và đến nay vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại.
- Căn cứ tình hình trong nước: Nền kinh tế vĩ mô có dấu hiệu tăng trưởng, thị trường bất động sản phục hồi, lãi suất vay tại các ngân hàng giảm tạo điều kiện cho các hoạt động của doanh nghiệp sản xuất nói chung và ngành thép nói riêng khởi sắc. Nhu cầu sản phẩm thép trong nước ngày càng tăng trong khi sản lượng Trung Quốc cắt giảm nên các khách hàng sẽ lựa chọn sử dụng thép được sản xuất từ các nước khác như Nhật Bản, Đức... tạo tiền đề cho việc tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận đối với sản phẩm thép công ty công ty đang kinh doanh.
- Căn cứ vào tình hình trong nước và quốc tế như vậy, Ban lãnh đạo công ty đã đặt kế hoạch doanh thu cũng như lợi nhuận dự kiến của năm 2017 như trên, đồng thời quản trị hàng tồn kho, linh hoạt với các biến động giá nguyên vật liệu, đảm bảo dòng tiền lành mạnh và bảo toàn vốn.

- Hiện tại, tính đến ngày 30/06/2017 căn cứ trên Báo cáo tài chính bán niên soát xét năm 2017 năm 2017, doanh thu thuần đã đạt 649.608.835.101 đồng đạt 54,13% kế hoạch của cả năm 2017. Lợi nhuận sáu tháng đầu năm 2017 đạt 13.140.269.900 đồng hoàn 59,73% so với kế hoạch lợi nhuận năm 2017. Căn cứ những kết quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh sáu tháng đầu năm 2017, Công ty cổ phần Thép Mê Lin tin tưởng sẽ hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Trong năm 2017, Công ty tiếp tục góp vốn đầu tư thực hiện các hạng mục chưa hoàn thành trong năm 2016 như dự án xây dựng Tổ hợp thương mại, siêu thị, văn phòng và Nhà ở để bán tại số 75 đường Nguyễn Tam Trinh, Hoàng Mai, Hà Nội; Dự án nhà máy liên hiệp cắt xẻ Thép và chế biến than tại Hải Phòng. Do đó ngoài kết quả từ hoạt động kinh doanh thương mại, công ty sẽ thu được lợi nhuận từ 13 căn hộ chưa bán tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần và số căn hộ phát sinh đã bán và bàn giao trong năm 2017 khi được công ty CP Đầu tư xây dựng NHS quyết toán dự án vào cuối năm 2017. Dự kiến công ty thu được doanh thu tài chính khoảng 15 tỷ đồng từ hoạt động hợp tác đầu tư.

#### **15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Là một tổ chức chuyên nghiệp, IRS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thép Mê Lin.

Trên cơ sở thông tin thu thập được, sau khi nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty cổ phần Thép Mê Lin, IRS cho rằng kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của Công ty dự kiến là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Mê Lin

#### **16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có

#### **17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Không có

### **V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

#### **1. Loại Chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông**

#### **2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần**

#### **3. Tổng số Chứng khoán niêm yết**

- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: 15.000.000 cổ phiếu

- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết: 150.000.000.000 đồng

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 53 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.”

Tổng số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty là 9.078.375 cổ phiếu chiếm 60,52% vốn điều lệ.

**Bảng số 32: Danh sách và số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng**

STT	Họ và tên	Chức danh	SLCP	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong 6 tháng tiếp theo
1.	Lê Thị Hương Giang	Chủ tịch HĐQT	6.750.000	6.750.000	3.375.000
2.	Phạm Quang	Thành viên HĐQT – Giám đốc	818.000	818.000	409.000
3.	Lê Hồng Minh	Thành viên HĐQT	1.500.000	1.500.000	750.000
4.	Nguyễn Tiến Nghĩa	Thành viên HĐQT	1.400	1.400	700
5.	Nguyễn Văn Anh	Thành viên HĐQT	2.000	2.000	1.000
6.	Ma Thị Bích Thủy	Trưởng BKS	1.500	1.500	750
7.	Lê Minh Hải	Thành viên BKS	2.100	2.100	1.050
8.	Chu Đức Khương	Thành viên BKS	1.575	1.575	788
9.	Đỗ Thị Kiệm	Kế toán trưởng	1.800	1.800	900

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

Số cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của các cổ đông sáng lập của Công ty là 9.068.000 cổ phần.

**Bảng số 33: Danh sách cổ đông sáng lập và số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Thời gian hạn chế CN
1	Lê Thị Hương Giang	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	6.750.000	45%	02/10/2015 - 02/10/2018
2	Phạm Quang	Số 315 - Đường Hoàng Hoa Thám - Quận Ba Đình - Tp.Hà Nội	818.000	5,45%	02/10/2015 - 02/10/2018
3	Lê Hồng Minh	Số 74 - Phố Lò Đúc - Phường Phạm Đình Hồ - Quận Hai Bà Trưng - Tp.Hà Nội	1.500.000	10%	02/10/2015 - 02/10/2018
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.068.000</b>	<b>60,45%</b>	

(Nguồn: CTCP Thép Mê Lin)

## 5. Phương pháp tính giá

### 5.1 Tính giá

#### 5.1.1 Giá trị sổ sách

Căn cứ theo báo cáo tài chính kiểm toán 2016 của Công ty, giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty cổ phần Thép Mê Lin được tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách (BV)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

**Bảng số 34: Giá trị sổ sách của Công ty**

TT	Chỉ tiêu	Giá 01 cổ phiếu
1	Giá trị sổ sách tại 31/12/2016	10.254 đồng
2	Giá trị sổ sách tại 30/06/2017	11.130 đồng

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của CTCP Thép Mê Lin)

#### 5.1.2 Phương pháp định giá

##### ☛ Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = \text{EPS} * \text{P/E bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/E)

EPS : Lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu

P/E bình quân: là P/E bình quân của các doanh nghiệp trong ngành thép được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành thép mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



#### ◆ Định giá cổ phiếu theo phương pháp P/B

Theo phương pháp này, giá một cổ phiếu của công ty được tính theo công thức:

$$P = BVS * P/B \text{ bình quân}$$

Trong đó:

P : Giá một cổ phiếu (theo phương pháp P/B)

BVS : Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu

P/B bình quân : là giá chia cho giá trị sổ sách bình quân được tham chiếu từ các Công ty cùng ngành thép mà Công ty có cùng điều kiện và quy mô kinh doanh tương ứng với Công ty đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố HCM/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

#### 5.2 Giá dự kiến chào sàn

Trên cơ sở kết hợp các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thép Mê Lin thông báo bằng văn bản phù hợp với quy định của Pháp luật tại thời điểm niêm yết.

#### 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 123/2015/TT-BTC của Bộ tài chính ngày 19/08/2015 về việc hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tại ngày 19/05/2017, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0% (tương đương 0 cổ phần).

#### 7. Các loại thuế có liên quan

Công ty cổ phần Thép Mê Lin đang đóng các loại thuế theo luật định như: thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, phí bảo vệ môi trường, thuế sử dụng đất, thuế xuất nhập khẩu, thuế môn bài. Cụ thể:

**Bảng số 35: Các loại thuế phải nộp**

Loại thuế	Mức thuế suất mỗi năm
Thuế GTGT	10 %
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế sử dụng đất	3.240 đồng/m <sup>2</sup>
Thuế nhập khẩu	7 - 15%
Thuế xuất khẩu	0%
Thuế môn bài	3.000.000 đồng

(Nguồn: Công ty cổ phần Thép Mê Lin)

**VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT  
TỔ CHỨC TƯ VẤN:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA**

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 12, tòa nhà CDC số 25 Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Điện thoại : 0243 9446666  
Website : <http://www.irs.com.vn/>



**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

**CÔNG TY TNHH PKF VIỆT NAM**

Địa chỉ : Tầng 10, tòa nhà center building, Hapulico Complex, Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân Hà Nội  
Điện thoại : 024 6664488  
Website : <http://www.pkf.com.vn/>



12/2023

## VII. PHỤ LỤC

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Điều lệ công ty;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016 và BCTC bán niên soát xét năm 2017 của Công ty;
- Các hồ sơ khác *(nếu có)*.

Vĩnh Phúc, ngày 10 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ THỊ HƯƠNG GIANG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

MA THỊ BÍCH THỦY

PHẠM QUANG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐỖ THỊ KIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU HƯƠNG

